



BẢN TIN CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 19/2024
Từ 13/5 - 17/5/2024

TIN NỘI BẬT CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: CHỦ TRÌ HỌP VỀ ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA, TIỀN TỆ, THỊ TRƯỜNG VÀNG

Chiều tối ngày 16/5/2024, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì họp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan về điều hành chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, kiểm soát bội chi ngân sách, nợ công, nợ Chính phủ...



Thủ tướng Phạm Minh Chính chủ trì cuộc họp về chính sách tài khóa. Ảnh: Dương Giang/TTXVN

Các đại biểu tham dự cuộc họp đã phân tích, thảo luận sâu về tình hình kinh tế quốc tế, nhất là việc một số nước điều chỉnh chính sách tài khóa, tiền tệ và tác động tới Việt Nam; các vấn đề liên quan điều hành chính sách tài khóa, tiền tệ trong nước như: tình hình tỷ giá, lãi suất, diễn biến thị trường vàng, lạm phát, thu ngân sách, chi tiêu công, dự địa chính sách tiền tệ, những thách thức đối với điều hành chính sách tài khóa, tiền tệ. Đặc biệt, các đại biểu rà soát và đề xuất một số giải pháp điều hành chính sách tài khóa, tiền tệ thời gian tới phù hợp với tình hình.

Kết luận cuộc họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính khẳng định, mặc dù tình hình thế giới diễn biến phức tạp, song ở trong nước, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát; kinh tế tăng trưởng đạt khá; các cân đối lớn của nền kinh tế đảm bảo; bội chi ngân sách, nợ công, nợ chính phủ được kiểm soát tốt; đời sống vật chất, tinh thần nhân dân, quốc phòng an ninh đảm bảo, chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Đánh giá tình hình thế giới tiếp tục có những diễn biến khó lường, với phương châm phải phòng ngừa từ sớm, từ xa, để giữ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế và phát triển bền vững các lĩnh vực kinh tế - xã hội, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tiếp tục điều hành chính sách tài khóa, tiền tệ chủ động, linh hoạt, có trọng tâm, trọng điểm; đồng bộ các công cụ chính sách tài khóa, phối hợp chặt chẽ, hài hòa, hợp lý với chính sách tiền tệ và các chính sách kinh tế vĩ mô khác.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG

VỤ CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Điều hành chính sách tiền tệ bảo đảm hài hòa, hợp lý giữa tỷ giá và lạm phát phù hợp với xu hướng giảm phát của thế giới; sử dụng hợp lý các công cụ thị trường như bơm tiền ra - rút tiền về, can thiệp thị trường ngoại tệ phù hợp. Trong đó, bơm tiền ra thì phải giảm lãi suất cho vay phục vụ cho sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, tạo sinh kế cho người dân.

Cùng với đó, tiếp tục có giải pháp, tăng cường quản lý thu, tăng thu ngân sách nhà nước; quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tăng cường tiết kiệm chi, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước, siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính.

“Không để tỷ giá ảnh hưởng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; điều hành tỷ giá về tiền gửi có thể linh hoạt; tạo thuận lợi tiếp cận tín dụng; tiết giảm chi phí, giảm lãi suất cho vay; tăng cường số hóa; phân đấu tăng trưởng tín dụng đạt 5 - 6% ngay trong quý II này; tiết giảm chi phí, giảm lãi suất cho vay 1 - 2%”, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh.

Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tiếp tục thúc đẩy đầu tư công; tập trung nguồn lực bố trí cho các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của Nhà nước, các công trình hạ tầng trọng điểm quốc gia, các công trình có tính thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, nhà ở xã hội; nghiên cứu phát hành trái phiếu, huy động mọi nguồn lực xã hội, lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư vào các công trình, dự án hạ tầng, trước mắt cần huy động ngay khoảng 100 nghìn tỷ đồng phục vụ các dự án trong giai đoạn 2021 - 2025; tập trung vốn cho các động lực tăng trưởng mới như chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, nhà ở xã hội...

Về điều hành thị trường vàng, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu chủ động triển khai ngay các công cụ, giải pháp quản lý, điều hành và bình ổn thị trường vàng phù hợp, kịp thời và hiệu quả hơn nữa; tiếp tục rà soát kỹ lưỡng, đánh giá, tổng kết việc thực hiện Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; kiểm tra, giám sát, kiên quyết thực hiện nghiêm quy định về hóa đơn điện tử trong hoạt động kinh doanh, mua, bán vàng tại các doanh nghiệp; tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm theo quy định các hành vi vi phạm, nhất là buôn lậu, thẩm lậu, trục lợi, đầu cơ, thao túng, đẩy giá, cạnh tranh không đúng quy định...

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu thông tin, truyền thông phản ánh kịp thời, đúng tình hình, tạo đồng thuận trong xã hội; thực hiện hiệu quả các chỉ đạo, điều hành nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần Nhân dân.

Nguồn: baotintuc.vn/ttxvn

CHUYỂN ĐỔI SỐ GIÚP DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP GIẢM CHI PHÍ TỪ 7% ĐẾN 25%

Không chỉ giảm chi phí, gia tăng giá trị nông sản, chuyển đổi số còn giúp doanh nghiệp, nông dân chủ động trong đáp ứng yêu cầu của khách hàng, nhà nhập khẩu.

Nhiều giải pháp công nghệ mới được giới thiệu

Là doanh nghiệp được biết đến có nhiều nền tảng số, đến với Hội nghị chuyên đề “Thúc đẩy số hóa ngành nông nghiệp” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức chiều ngày 14/5/2024, Giám đốc tư vấn chuyển đổi số Doanh nghiệp FPT IS - Tập đoàn FPT Vũ Minh Quang đã giới thiệu 2 giải pháp hệ sinh thái số mới nhất của đơn vị nhằm hướng đến một nền nông nghiệp bền vững.

Giải pháp đầu tiên được ông Vũ Minh Quang giới thiệu đó là giải pháp kiểm kê khí nhà kính đầu tiên tại Việt Nam - VertZéro. Sản phẩm của FPT hướng đến số hóa công tác kiểm kê khí nhà kính, từ thu thập số liệu, lựa chọn bộ số liệu phát thải, đến tính toán và đưa ra báo cáo kiểm kê khí nhà kính theo đúng tiêu chuẩn của nhà nước và quan trọng hơn đó là theo đúng tiêu chuẩn của thị trường đầu ra.

“Giải pháp giúp số hóa toàn diện quy trình thu thập dữ liệu môi trường, tính toán, quản lý, tạo báo cáo khí thải, đáp ứng các khung tiêu chuẩn toàn cầu về báo cáo phát thải, loại bỏ khí nhà kính. FPT IS đang tích cực hợp tác, kết nối cùng đối tác chuyển đổi xanh hàng đầu. Qua đó, chia sẻ kinh nghiệm triển khai và mở rộng dự án xanh giữa Việt Nam và quốc tế”, ông Vũ Minh Quang nói.

Giải pháp thứ 2 được đại diện FPT giới thiệu đó là hệ sinh thái tài chính số TradeFlat nhằm cung cấp nền tảng giao dịch toàn trình (end-to-end), giải quyết trọn vẹn bài toán tài trợ vốn lưu động cho các doanh nghiệp nông nghiệp từ khâu nhập nguyên liệu đầu vào tới hoạt động phân phối sản phẩm tại thị trường nội địa cũng như giao dịch thương mại xuất khẩu xuyên biên giới.

“TradeFlat hiện với các sản phẩm tài chính số được đồng hành bởi những Ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam để triển khai các chương trình tài trợ vốn lưu động hiệu quả tới các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng nông nghiệp nội địa. Đồng thời, cùng với việc hợp tác với các nền tảng quốc gia của Nhật Bản, New Zealand và một số quốc gia khác, giải pháp giúp giảm tổng thời gian giao dịch toàn trình thương mại quốc tế từ 7 - 10 ngày xuống 0,5 - 1 ngày. Với nền tảng này sẽ giúp thúc đẩy quá trình thương mại và giao thương, xuất nhập khẩu trong ngành nông nghiệp rất nhiều tiềm năng của Việt Nam”, ông Vũ Minh Quang chia sẻ.

Ghi nhận những giá trị mà chuyển đổi số mang lại, Phó Tổng thư ký Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam Nguyễn Hoài Nam cho biết, chuyển đổi số có thể giúp doanh nghiệp thủy sản giảm chi phí từ 7 - 25%. Từ yêu cầu của khách hàng, đơn vị chứng nhận các tiêu chuẩn..., nếu doanh nghiệp ứng dụng số thì khi thực hiện các việc này sẽ giảm bớt khó khăn đi rất nhiều.

Còn theo Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam Ngô Sỹ Hoài, thực hiện truy xuất nguồn gốc gỗ, hay sắp tới là Quy định chống mất rừng (EUDR) của EU..., công nghệ số sẽ giúp ngành chứng minh điều đó. Khi Việt Nam là một trong những nhà xuất khẩu hàng đầu thế giới, hàng hóa Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều cuộc điều tra về thuế, gỗ hợp pháp.... Nếu doanh nghiệp ứng dụng số, chuyển đổi số sớm trong vận hành sản xuất, quản lý doanh nghiệp thì sẽ vượt qua được các “hàng rào” của các thị trường.

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện đã có hơn 2 triệu hộ sản xuất nông nghiệp tại các tỉnh, thành phố được đào tạo kỹ năng số, gần 50.000 sản phẩm nông sản được đưa lên sàn thương mại điện tử và hàng nghìn giao dịch điện tử đã được thực hiện cho thấy hiệu quả bước đầu của công cuộc chuyển đổi số nông nghiệp.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lê Minh Hoan cho rằng, nhờ vào sức mạnh của công nghệ, người dân đã không còn cần di chuyển về các thành phố lớn nữa mà vẫn tìm ra con đường riêng cho mình. Phát triển dựa trên công nghệ là hướng phát triển bền vững, phát triển xanh tại Việt Nam.

Còn theo Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng, chuyển đổi số ngành nông nghiệp có vai trò quan trọng để phát triển kinh tế số và tăng cường hiệu suất trong nông nghiệp.

Chuyển đổi số trong nông nghiệp cần đơn giản, dễ hiểu

Tuy nhiên, công cuộc số hóa trong lĩnh vực nông nghiệp từ Trung ương đến địa phương cũng đang đối mặt với không ít rào cản và thách thức. Đó là, nhận thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ số còn hạn chế; sự kết nối, chia sẻ, liên kết giữa các bên liên quan như cơ quan quản lý nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp, doanh nghiệp công nghệ, hợp tác xã, người nông dân còn chưa chặt chẽ...

Ông Nguyễn Hoài Nam cho hay, các doanh nghiệp thủy sản có sự ứng dụng số hóa không đồng đều và có thể phân thành 3 cấp: Sơ khai; tự đầu tư trên góc độ tự quản trị và đầu tư khá bài bản. Với doanh nghiệp đầu tư bài bản, họ có thể nắm được mọi thông số trong quản trị. Chẳng hạn khi gặp các cuộc thanh kiểm tra, những doanh nghiệp này hoàn toàn có thể tự tin đáp ứng các yêu cầu.

Trao đổi với Phóng viên Báo Công Thương, Chuyên gia khoa học về Biến đổi khí hậu, Viện Nghiên cứu Lúa gạo Quốc tế (IRRI) Katherine Nelson nhận định, Việt Nam đang dẫn đầu trong công cuộc chuyển đổi số, nhất là trong ngành nông nghiệp. Những người nông dân khu vực nông thôn họ sử dụng điện thoại rất nhiều và mức độ kết nối internet rất cao. Đây là điều kiện rất tốt cho công tác chuyển đổi số trong nông nghiệp và các nước khác cũng đang nhìn vào Việt Nam để học hỏi.

“Việt Nam đã rất tiến bộ trong việc cơ giới hóa trong nông nghiệp và tiến tới nông nghiệp chính xác với việc quản lý sử dụng các nguyên nhiên vật liệu đầu vào một cách tự động. Bên cạnh đó, thì cũng cần phát triển công cụ hỗ trợ theo dõi báo cáo, truy xuất nguồn gốc để các sản phẩm nông nghiệp có thể được quản lý một cách chính xác và hỗ trợ trong việc thương mại, dán nhãn sản phẩm nông nghiệp có phát thải thấp, sản phẩm nông nghiệp xanh, sản phẩm nông nghiệp bền vững, giúp cho người nông dân có thể đưa các sản phẩm của mình đến các thị trường một cách bền vững hơn”, bà Katherine Nelson khuyến nghị.

Chia sẻ về giải pháp, Đại diện Tập đoàn VNPT Dương Trọng Hải cho rằng, để ứng dụng, phát triển nông nghiệp số không phải là vấn đề đầu tư cho doanh nghiệp công nghệ mà đầu tư cho doanh nghiệp nông nghiệp đầu tư sẵn sàng số hóa. Doanh nghiệp này sẽ dẫn dắt hợp tác xã, nông dân chuyển đổi số, khi đó sẽ tạo thành thị trường số.

Phát biểu tại Hội nghị Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang nêu ra 6 vấn đề còn vướng mắc trong công tác số hóa ngành Nông nghiệp gồm: thể chế; hạ tầng số; cải cách hành chính; số hóa dữ liệu trong nông nghiệp; thiếu nhân lực chuyển đổi số; công tác hỗ trợ doanh nghiệp và bà con nông dân tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang yêu cầu ngành nông nghiệp cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tiếp tục phát triển cơ sở dữ liệu ngành. Đồng thời, phát triển hạ tầng số để các cơ sở dữ liệu có sự kết nối đồng bộ, tạo sự thuận lợi nhất cho nông dân, doanh nghiệp. Những ứng dụng đến với nông dân phải thật đơn giản, dễ hiểu.

Lãnh đạo Chính phủ cũng yêu cầu tìm ra lĩnh vực, địa phương cần ưu tiên để thực hiện chuyển đổi số trước, với tinh thần làm tới nơi, tới chốn. Bên cạnh đó là vai trò đầu tàu, dẫn dắt của các doanh nghiệp hàng đầu về công nghệ hiện nay của Việt Nam như FPT, Viettel, VNPT... “Những công ty công nghệ có thể xây dựng giải pháp, hạ tầng rồi cho người dân, doanh nghiệp hay cơ quan quản lý thuê các dịch vụ công nghệ này”, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang gợi ý thêm.

Nguồn: congthuong.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào các văn bản:**

- Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 51/2021/TT-BTC hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Dự thảo Thông tư hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.

- Dự thảo Thông tư quy định chế độ cấp trang phục thanh tra cho Thanh tra viên thuộc các cơ quan thanh tra.

- Dự thảo Nghị định quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

*** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư.**

Theo dự thảo, Quỹ Hỗ trợ đầu tư (Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước. Quỹ hoạt động theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Tên tiếng Việt là Quỹ Hỗ trợ đầu tư. Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Investment Support Fund (viết tắt là ISF). Trụ sở chính của Quỹ đặt tại Hà Nội.

Quỹ có chức năng tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí bằng tiền và hiện vật để tài trợ, hỗ trợ cho hoạt động đầu tư công nghệ cao, chuyển đổi xanh theo quy định tại Nghị định này.

Đối tượng hỗ trợ là các doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và đáp ứng các tiêu chí hỗ trợ chi phí theo quy định. Quỹ hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động trên phạm vi toàn quốc.

Dự thảo nêu rõ, mục tiêu hoạt động của Quỹ nhằm khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư, tập đoàn đa quốc gia đầu tư tại Việt Nam. Hỗ trợ các doanh nghiệp đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư.

Quỹ hoạt động theo nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận. Quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi ngân sách hỗ trợ của Quỹ. Quỹ hỗ trợ đúng đối tượng đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này.

Nhiệm vụ của Quỹ gồm: Tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài sản, các nguồn ngân sách hoạt động được ngân sách nhà nước, các nguồn kinh phí nhận viện trợ, tài trợ và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam để tạo nguồn tài chính hỗ trợ chi phí.

Hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp theo phương thức quy định; Lập dự toán và đề nghị bổ sung (nếu có) ngân sách nhà nước. Thực hiện chế độ báo cáo, kế toán, quyết toán theo quy định.

Quỹ có các quyền hạn: Tiếp nhận các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện bằng tiền và hiện vật cho Quỹ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; được sử dụng nguồn vốn của Quỹ để tài trợ, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

Được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại để tiếp nhận, quản lý nguồn ngân sách do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn vốn nhận viện trợ, tài trợ, huy động hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Được sử dụng ngân sách nhân rồi của Quỹ để gửi tiết kiệm kỳ hạn tối đa không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển ngân sách hoạt động cho Quỹ.

Theo dự thảo, ngân sách hoạt động của Quỹ gồm: 1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ vào tháng 01 hằng năm; 2. Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước như: a) Lãi tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại; b) Các khoản cho tặng, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài; các nguồn hợp pháp khác (nếu có); 3. Nguồn tồn dư Quỹ hàng năm.

Quỹ chi trực tiếp bằng tiền để hỗ trợ chi phí theo quy định. Quỹ tổ chức thực hiện công tác thu, chi, kế toán theo quy định tại Nghị định này, hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan khác.

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.

*** Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư ban hành danh mục thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý.**

Theo dự thảo Thông tư, đối tượng áp dụng là cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động quản lý giá cước dịch vụ viễn thông; các doanh nghiệp viễn thông.

Danh mục thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý bao gồm: 1. Dịch vụ viễn thông cố định mặt đất: Dịch vụ truy nhập Internet. 2. Dịch vụ viễn thông di động mặt đất: Dịch vụ điện thoại. Dịch vụ truy nhập Internet.

*** Bộ Xây dựng đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định đánh số và gắn biển số nhà.**

Theo đó, dự thảo nêu rõ, trong một khu có nhiều nhà tạo thành các nhóm nhà mà các lối đi giữa các nhóm nhà không được đặt tên (đường, phố, ngõ, ngách) thì việc đánh tên nhóm nhà được thực hiện theo quy định sau:

Việc đánh tên nhóm nhà áp dụng chữ cái in hoa của tiếng Việt (A, B, C...) sắp xếp theo thứ tự trong bảng chữ cái tiếng Việt với chiều theo nguyên tắc sắp xếp của các nhóm nhà trong khu vực đó.

Trường hợp khu nhà trong một biển số nhà có nhiều nhóm nhà thì chiều đánh tên nhóm nhà được bắt đầu từ nhóm nhà nằm gần lối vào khu nhà đi dần vào phía cuối khu nhà. Trường hợp các nhóm nhà nằm 2 bên trục đường giao thông nội bộ thì chiều đánh tên nhóm nhà cũng xác định theo phương pháp này, các nhóm nhà nằm phía bên trái đường nội bộ đánh tên A, C, Đ, G, I..., các nhóm nhà phía bên phải đường nội bộ đánh tên B, D, E, H, K....

Trường hợp khu đô thị, khu nhà ở, khu công nghiệp, điểm dân cư nông thôn có nhiều trục đường giao thông nội bộ thì chiều đánh tên nhóm nhà được thực hiện theo hướng dẫn của Sở Xây dựng.

Tên ngôi nhà trong nhóm nhà được viết bằng tên ghép của tên nhóm nhà và số thứ tự của ngôi nhà trong nhóm nhà đó (ví dụ: A10, B15, C4...), tên nhóm nhà được xác định theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

Số thứ tự của ngôi nhà được dùng là các số tự nhiên (1, 2, 3..., n). Chiều đánh số thứ tự của ngôi nhà trong mỗi nhóm nhà được xác định theo nguyên tắc sắp xếp các ngôi nhà trong nhóm nhà đó.

Việc đánh số tầng nhà chung cư được thực hiện theo quy định sau đây:

Đánh số tầng nhà theo nguyên tắc lấy chiều từ tầng dưới lên tầng trên, bắt đầu từ tầng 1 của ngôi nhà (không tính tầng hầm). Dùng các số tự nhiên (1, 2, 3..., n, với n là tổng số tầng của ngôi nhà) để đánh số tầng và được lấy từ số nhỏ đến số lớn. Có thể đặt tên tầng trệt thay cho tầng 1, khi đó các tầng tiếp theo từ dưới lên được đánh số là tầng 1, tầng 2,... tầng n-1.

Trường hợp nhà có tầng hầm thì đánh số tầng hầm theo nguyên tắc lấy chiều từ tầng hầm ở trên cùng xuống tầng phía dưới, bắt đầu từ tầng hầm gần nhất với tầng 1 hoặc tầng trệt của ngôi nhà. Dùng các số tự nhiên (1, 2, 3..., n với n là tổng số tầng hầm của ngôi nhà) để đánh

số tầng hầm, lấy từ số nhỏ đến số lớn. Để phân biệt với tầng nhà thì viết thêm ký hiệu N vào trước số tầng hầm (ví dụ: N1, N2, N3,...).

Việc đánh số cầu thang nhà chung cư (từ 2 cầu thang sử dụng chung trở lên) được thực hiện theo nguyên tắc lấy chiều từ lối đi chính vào nhà, cầu thang đầu tiên đánh số 1, những cầu thang tiếp theo được đánh số 2, 3,...n.

*** Bộ Y tế đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định việc thành lập và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.**

Theo dự thảo, Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học (Hội đồng đạo đức) có chức năng xem xét, thẩm định về khía cạnh đạo đức và khoa học của các nghiên cứu y sinh học liên quan đến con người làm cơ sở để tư vấn cho người đứng đầu tổ chức thành lập Hội đồng đạo đức phê duyệt, nghiệm thu nghiên cứu.

Theo dự thảo, Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học cấp quốc gia do Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định thành lập.

Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng đạo đức cấp quốc gia; quyết định bổ nhiệm, cho từ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bổ sung, thay thế thành viên của Hội đồng đạo đức cấp quốc gia.

Nhiệm kỳ của Hội đồng đạo đức cấp quốc gia là 05 năm, Hội đồng đạo đức phải được thành lập hoặc tổ chức lại khi hết nhiệm kỳ. Thành phần Hội đồng đạo đức nhiệm kỳ liền kề tiếp theo phải có sự tham gia của ít nhất 25% thành viên chính thức là thành viên mới so với thành phần Hội đồng đạo đức nhiệm kỳ liền kề trước đó(*).

Hội đồng đạo đức cấp quốc gia có con dấu, tài khoản riêng để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng.

Dự thảo nêu rõ, Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học cấp cơ sở do người đứng đầu tổ chức có thẩm quyền phê duyệt nghiên cứu quyết định thành lập.

Người đứng đầu tổ chức thành lập Hội đồng đạo đức cấp cơ sở phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng, quyết định bổ nhiệm, cho từ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bổ sung, thay thế thành viên của Hội đồng đạo đức cấp cơ sở.

Nhiệm kỳ của Hội đồng đạo đức cấp cơ sở thực hiện theo quy định tại(*).

Hội đồng đạo đức cấp cơ sở có thể sử dụng con dấu của tổ chức thành lập Hội đồng trong các hoạt động có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng đạo đức theo quy định của người đứng đầu tổ chức thành lập Hội đồng.

Theo dự thảo, thành viên Hội đồng đạo đức phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: 1. Có kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng cần thiết và khả năng có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của thành viên nhằm bảo đảm tính khoa học và bảo vệ quyền lợi cho người tình nguyện tham gia nghiên cứu. 2. Thành viên có chuyên môn thuộc khối ngành sức khỏe và thành viên có chuyên môn về pháp lý hoặc am hiểu về nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y sinh học phải có trình độ đại học trở lên. 3. Thành viên có chuyên môn thuộc khối ngành sức khỏe phải có

ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu phổ biến do Hội đồng đạo đức đánh giá. 4. Có thời gian để tham gia thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng đạo đức. 5. Cam kết bảo mật thông tin liên quan đến nghiên cứu, ý kiến thảo luận trong cuộc họp, các bí mật thương mại của cá nhân, tổ chức tham gia nghiên cứu và các thông tin cá nhân về người tình nguyện tham gia nghiên cứu. 6. Đã được tập huấn và được cấp chứng chỉ về Thực hành nghiên cứu lâm sàng tốt và quy trình thực hành chuẩn của Hội đồng đạo đức do Bộ Y tế hoặc các tổ chức được Bộ Y tế công nhận cấp và được đào tạo cập nhật, bổ sung theo quy định.

*** Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Luật Nhà giáo, theo đó đề xuất tiền lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất so với hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp.**

Bộ Giáo dục và Đào tạo cho biết, các chính sách về tiền lương, chính sách hỗ trợ, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo được quy định tại dự thảo Luật nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 29-NQ/TW "tiền lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong bảng lương theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo theo quy định của Chính phủ". Đồng thời, giúp nhà giáo yên tâm làm việc, cống hiến và phát triển nghề nghiệp; thu hút, trọng dụng và ưu đãi với người có tài năng làm nhà giáo; thu hút nhà giáo về công tác và công tác lâu dài trong ngành Giáo dục, đặc biệt ở các vùng khó khăn...

Theo đó, dự thảo Luật Nhà giáo quy định như sau: Tiền lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất so với hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp. Tiền lương và các chính sách theo lương của các nhà giáo công tác tại các cơ sở giáo dục tự chủ không ít hơn tiền lương và các chính sách theo lương của nhà giáo có cùng trình độ đào tạo, cùng thâm niên, cùng chức danh trong các cơ sở giáo dục chưa tự chủ và không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ. Nhà giáo công tác ở các ngành, lĩnh vực có chế độ đặc thù thì được hưởng chế độ đặc thù.

Theo dự thảo, Nhà nước có chính sách hỗ trợ nhà giáo trẻ; nhà giáo công tác ở vùng khó khăn; nhà giáo dạy trường chuyên biệt, nhà giáo dạy trẻ khuyết tật, nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số, nhà giáo dạy tăng cường tiếng Việt cho học sinh người dân tộc thiểu số, dạy các môn năng khiếu, nghệ thuật.

Chính sách hỗ trợ nhà giáo gồm: nhà công vụ, chế độ phụ cấp, chế độ trợ cấp, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, khám bệnh định kỳ hằng năm, hỗ trợ học phí cho con của nhà giáo và các chế độ khác bảo đảm an sinh xã hội cho nhà giáo.

Ngoài các quy định chung về chính sách hỗ trợ nhà giáo, nhà nước khuyến khích địa phương ban hành các chính sách đặc thù để hỗ trợ nhà giáo; cơ sở giáo dục hỗ trợ nhà giáo thông qua quỹ khuyến khích, phát triển đội ngũ nhà giáo.

Nhà nước có chính sách thu hút đối với người có tài năng để trở thành nhà giáo.

Nhà nước có chính sách thu hút nhà giáo về công tác và công tác lâu dài ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã đảo, hải đảo, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của Chính phủ.

Chính sách thu hút nhà giáo gồm: chính sách ưu tiên tuyển dụng, nhà công vụ, vay mua nhà ở, chế độ phụ cấp và trợ cấp thu hút, chính sách đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ khác bảo đảm an sinh xã hội cho nhà giáo.

Quỹ khuyến khích, phát triển đội ngũ nhà giáo là quỹ không vì lợi nhuận; dùng để hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo; hỗ trợ nhà giáo và thân nhân nhà giáo có hoàn cảnh khó khăn; khen thưởng, tôn vinh nhà giáo.

Quỹ khuyến khích, phát triển đội ngũ nhà giáo gồm hai loại: Do tổ chức, cá nhân thành lập, hoạt động và quản lý theo quy định về quỹ xã hội, quỹ từ thiện; Do cơ sở giáo dục thành lập từ nguồn kinh phí tài trợ, viện trợ, hiến tặng hoặc kinh phí của cơ sở giáo dục và nguồn kinh phí hợp pháp khác; hoạt động theo quy chế tổ chức, hoạt động và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ sở giáo dục phù hợp với quy định của pháp luật.

*** Bộ Tài nguyên và Môi trường đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Trong đó, Bộ đề xuất quy định về lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.**

Theo dự thảo, bản đồ hiện trạng sử dụng đất được lập theo từng đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh, các vùng kinh tế - xã hội và cả nước để thể hiện sự phân bố các loại đất tại thời điểm kiểm kê đất đai, gồm: 1. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã được thành lập trên cơ sở tổng hợp, khái quát hóa nội dung của bản đồ kiểm kê đất đai. 2. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện và tỉnh được lập trên cơ sở tiếp biên, tổng hợp, khái quát hóa nội dung bản đồ hiện trạng sử dụng đất của các đơn vị hành chính trực thuộc. 3. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các vùng kinh tế - xã hội được lập trên cơ sở tổng hợp, khái quát nội dung bản đồ hiện trạng sử dụng đất của các đơn vị hành chính cấp tỉnh. 4. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cả nước được lập trên cơ sở tổng hợp, khái quát nội dung bản đồ hiện trạng sử dụng đất của các vùng kinh tế - xã hội.

Cơ sở toán học của bản đồ hiện trạng sử dụng đất được dự thảo đề xuất quy định như sau:

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh thực hiện theo quy định sau: Cơ sở toán học của bản đồ kiểm kê đất đai: Được lập trong hệ tọa độ quốc gia VN-2000, sử dụng lưới chiếu hình trụ ngang đồng góc với múi chiếu 300 có hệ số điều chỉnh tỷ lệ biến dạng chiều dài $k_0 = 0,9999$. Kinh tuyến trục của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại Phụ lục số 04 kèm theo Thông tư này.

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các vùng kinh tế - xã hội sử dụng lưới chiếu hình trụ ngang đồng góc với múi chiếu 60, có hệ số điều chỉnh tỷ lệ biến dạng chiều dài $k_0 = 0,9996$.

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cả nước sử dụng lưới chiếu hình nón đồng góc với hai vĩ tuyến chuẩn 110 và 210, kinh tuyến Trung ương 1080 cho toàn lãnh thổ Việt Nam.

Tỷ lệ bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp được lập theo quy định như sau:

Đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (ha)	Tỷ lệ bản đồ
Cấp xã	Dưới 120	1: 1000
	Từ 120 đến 500	1: 2000
	Trên 500 đến 3.000	1: 5000
	Trên 3.000	1: 10000
Cấp huyện	Dưới 3.000	1: 5000
	Từ 3.000 đến 12.000	1: 10000
	Trên 12.000	1: 25000
Cấp tỉnh	Dưới 100.000	1: 25000
	Từ 100.000 đến 350.000	1: 50000
	Trên 350.000	1: 100000
Cấp vùng		1: 250000
Cả nước		1: 1000000

Dự thảo nêu rõ, trường hợp đơn vị hành chính thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất có hình dạng đặc thù (chiều dài quá lớn so với chiều rộng) thì được phép lựa chọn tỷ lệ bản đồ lớn hơn hoặc nhỏ hơn một bậc so với quy định trên đây.

Nội dung bản đồ hiện trạng sử dụng đất

Dự thảo đề xuất nội dung bản đồ hiện trạng sử dụng đất như sau:

1. Nhóm lớp cơ sở toán học và các nội dung liên quan bao gồm: lưới kilômét, lưới kinh vĩ tuyến, phiên hiệu mảnh, tỷ lệ bản đồ, khung bản đồ, chú dẫn, biểu đồ cơ cấu đất, trình bày ngoài khung và các nội dung khác có liên quan.

2. Nhóm lớp hiện trạng sử dụng đất bao gồm: Ranh giới các khoanh đất tổng hợp và ký hiệu loại đất.

3. Các nhóm lớp thuộc dữ liệu nền địa lý gồm:

Nhóm lớp biên giới, địa giới gồm đường biên giới quốc gia và đường địa giới hành chính các cấp. Đối với bản đồ hiện trạng sử dụng đất cả nước chỉ thể hiện đến đường địa giới hành chính cấp tỉnh. Đối với bản đồ hiện trạng sử dụng đất của vùng kinh tế - xã hội thì thể hiện đến đường địa giới hành chính cấp huyện. Đối với bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp tỉnh, huyện, xã thì thể hiện đến đường địa giới hành chính cấp xã.

Theo dự thảo, khi đường địa giới hành chính các cấp trùng nhau thì ưu tiên biểu thị đường địa giới hành chính cấp cao nhất.

Nhóm lớp địa hình gồm các đối tượng để thể hiện đặc trưng cơ bản về địa hình của khu vực cần thành lập bản đồ như: đường bình độ (khu vực núi cao có độ dốc lớn chỉ biểu thị

đường bình độ cái), điểm độ cao, điểm độ sâu, ghi chú độ cao, độ sâu; đường mô tả đặc trưng địa hình và các dạng địa hình đặc biệt.

Nhóm lớp thủy hệ và các đối tượng có liên quan gồm: biển, hồ, ao, đầm, phá, thung đào, sông, ngòi, kênh, rạch, suối và các đối tượng thủy văn khác. Mức độ thể hiện các đối tượng của nhóm lớp này trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp được tổng quát hóa theo tỷ lệ bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp.

Nhóm lớp giao thông và các đối tượng có liên quan: bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã thể hiện tất cả các loại đường giao thông các cấp, kể cả đường nội đồng, đường trục chính trong khu dân cư, đường mòn tại các xã miền núi, trung du. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện thể hiện từ đường liên xã trở lên, đối với khu vực miền núi phải thể hiện cả đường đất đến các thôn, bản. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh thể hiện từ đường liên huyện trở lên, đối với khu vực miền núi phải thể hiện cả đường liên xã. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các vùng kinh tế - xã hội và cả nước thể hiện từ đường tỉnh lộ trở lên, đối với khu vực miền núi phải thể hiện cả đường liên huyện.

Nhóm lớp đối tượng kinh tế, xã hội thể hiện tên các địa danh, trụ sở cơ quan chính quyền các cấp; tên công trình hạ tầng và các công trình quan trọng khác. Mức độ thể hiện các đối tượng của nhóm lớp này trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp được tổng quát hóa theo tỷ lệ bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp;

4. Các ghi chú, thuyết minh.

5. Nhóm lớp ranh giới và số thứ tự các khoanh đất của bản đồ kiểm kê đất đai khi in bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã thì nhóm lớp ranh giới được in bên dưới lớp ranh giới khoanh đất tổng hợp của bản đồ hiện trạng sử dụng đất và số thứ tự các khoanh đất của bản đồ kiểm kê đất đai chỉ thể hiện cho những khoanh đất trên bản đồ kiểm kê đất đai có ranh giới khoanh đất không trùng với ranh giới khoanh đất tổng hợp của bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Ngoài ra, dự thảo cũng đề xuất các quy định về: Hình thức thể hiện nội dung bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp; việc biên tập, tổng hợp, khái quát hóa nội dung bản đồ hiện trạng sử dụng đất của từng cấp; việc biên tập bản đồ hiện trạng sử dụng đất dạng số; báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất...

*** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.**

Dự thảo Thông tư quy định, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô.

Mức lệ phí cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy phép, tổ chức tài chính vi mô phải nộp lệ phí tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

Ban trụ bị lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của:

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thành viên sáng lập có thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô về hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô đối với sự phát triển của địa phương.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô (nếu cần thiết).

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến.

Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô, Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

Sau khi được cấp Giấy phép, tổ chức tài chính vi mô tiến hành các thủ tục cần thiết để khai trương hoạt động theo quy định.

Tổ chức tài chính vi mô được thực hiện các hoạt động huy động vốn: Nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam dưới các hình thức tiết kiệm bắt buộc và tiền gửi tự nguyện; vay, nhận tiền gửi với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Tổ chức tài chính vi mô được gửi tiền tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Tổ chức tài chính vi mô chỉ được thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam đối với các khách hàng tài chính vi mô để sử dụng vào các hoạt động tạo thu nhập và cải thiện điều kiện sống. Tổ chức tài chính vi mô không được cho vay khách hàng để mua, đầu tư chứng khoán.

Khoản cho vay của tổ chức tài chính vi mô có thể được bảo đảm bằng tiết kiệm bắt buộc, bảo lãnh của nhóm khách hàng tiết kiệm và vay vốn theo quy định của tổ chức tài chính vi mô.

Tổng dư nợ cho vay của tổ chức tài chính vi mô đối với một khách hàng tài chính vi mô quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 6 Điều 3 Thông tư này không được vượt quá 50 triệu đồng.

Tổng dư nợ cho vay của tổ chức tài chính vi mô đối với một khách hàng tài chính vi mô quy định tại điểm d Khoản 6 Điều 3 Thông tư này không được vượt quá 100 triệu đồng.

Tổ chức tài chính vi mô được mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tổ chức tài chính vi mô không được mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

Tổ chức tài chính vi mô được thực hiện một số hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau: Ủy thác vốn, nhận vốn ủy thác cho vay của tổ chức, cá nhân; đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán cho ngân hàng đối với khách hàng của tổ chức tài chính vi mô đó; cung ứng dịch vụ thu hộ, chi hộ và chuyển tiền cho khách hàng của tổ chức tài chính vi mô; đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm; tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: CHÍNH QUYỀN THÂN THIỆN VÀ TẠO ĐIỀU KIỆN TỐI ĐA, NGƯỜI DÂN HƯỞNG LỢI

Gần đây, phường Đồng Nhân liên tục lọt top đầu trên bảng xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính hằng năm của khối phường thuộc quận Hai Bà Trưng, chính nhờ đã tích cực triển khai những mô hình hay nhằm tạo thuận lợi, gia tăng sự hài lòng của người dân khi giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

Cán bộ, công chức sẵn sàng phục vụ

Quy định của TP. Hà Nội, thời gian Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các Bộ phận “Một cửa” là sáng từ 8h00 đến 11h00, chiều từ 13h30 đến 16h30 (trừ trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc). Song, với mô hình “Chúng thực không chờ, ngoài giờ hành chính” triển khai từ giữa tháng 02/2024, người dân đến Bộ phận “Một cửa” Ủy ban nhân dân phường Đồng Nhân có thể thực hiện chứng thực trong thời gian từ 16h30 - 17h30 các ngày thứ Ba, thứ Năm hàng tuần đối với 2 thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch là chứng thực chữ ký và chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.

Việc Ủy ban nhân dân phường nghiên cứu triển khai mô hình xuất phát từ thực tế nhu cầu của nhiều người dân, do bận đi làm mà không có ông bà hay bố mẹ ở nhà để ra giải quyết thủ tục hành chính trong giờ hành chính, nên mong có thêm thời gian vào cuối chiều để có thể ra giải quyết thủ tục hành chính. Theo đó, Ủy ban nhân dân phường Đồng Nhân phân công cán bộ, công chức trực Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết 2 thủ tục hành chính này để phục vụ tổ chức, cá nhân được thuận tiện, nhanh chóng; nhiều người dân, tổ chức được thụ hưởng từ sáng kiến. Thực tế, quận Hai Bà Trưng đã triển khai nhân rộng mô hình này tới Ủy ban nhân dân các phường trên địa bàn và đề xuất TP. Hà Nội cho nhân rộng trên toàn thành phố.

Sau gần 3 tháng triển khai, đến nay mô hình đã tiếp nhận giải quyết cho gần 100 trường hợp công dân ra giải quyết hồ sơ ngoài giờ hành chính vào thứ Ba, thứ Năm.

“Với mô hình này, Ủy ban nhân dân phường Đồng Nhân đã phân công 1 Phó Chủ tịch và tôi cùng một công chức Tư pháp - Hộ tịch không chỉ trực thường xuyên trong giờ hành chính mà cứ thứ Ba, thứ Năm hằng tuần lại trực tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho người dân thêm 1 giờ, từ 16h30 - 17h30, không chỉ với hồ sơ chứng thực mà công chức cũng sẵn sàng hướng dẫn người dân làm các thủ tục khác. Chúng tôi nhiều hôm phải ở lại cơ quan tổng hợp hồ sơ đến 19 - 20h mới xong, nhưng đổi lại có được sự đón nhận, hài lòng của người dân, nên vẫn rất vui và sẵn sàng phục vụ”- Công chức Văn phòng Thống kê, bộ phận “một cửa” Ủy ban nhân dân phường Đồng Nhân Vũ Thị Thu Huyền chia sẻ.

"Nhiều lần cần giải quyết giấy tờ, tôi ra Bộ phận "Một cửa" phường Đồng Nhân đều được cán bộ công chức hướng dẫn rất nhiệt tình và giải quyết nhanh chóng, với tinh thần làm việc gây ấn tượng tốt cho bất kỳ người dân nào đến đây. Đặc biệt hôm nay tôi đến làm thủ tục hành chính khi đã sắp hết giờ hành chính nhưng vẫn được các công chức đón tiếp tận tình, nên thực sự hài lòng", bà Đàm Thị Thu, trú tại A2 Khu tập thể Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng.

Tạo niềm tin, không còn khoảng cách chính quyền - người dân

Song song mô hình “Chứng thực không chờ, ngoài giờ hành chính”, từ đầu năm nay, Ủy ban nhân dân phường Đồng Nhân đã triển khai rút ngắn thời gian giải quyết đối với 1 thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên-môi trường là “xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích” (từ 3 ngày làm việc còn 2 ngày làm việc) và 1 thủ tục hành chính lĩnh vực văn hóa - thông tin là “công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở” (từ 7 ngày làm việc còn không quá 5 ngày làm việc). Đồng thời, thực hiện mô hình giải quyết thủ tục hành chính “Phục vụ Nhân dân - Vui Xuân đón Tết” rút ngắn thời gian giải quyết đối với 4 thủ tục hành chính.

Đặc biệt, Ủy ban nhân dân phường tiếp tục triển khai phong trào thi đua thực hiện mô hình Một cửa “Thân thiện - Chuyên nghiệp - Hiệu quả” đã được phát động từ năm 2023, nhằm thông qua đó khơi dậy tinh thần tự giác, nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao của các cán bộ công chức và xây dựng, nhân rộng những điển hình tiên tiến về cải cách hành chính.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đồng Nhân Kim Thị Thu cho hay, những mô hình sáng kiến trong cải cách hành chính được chính quyền phường nghiên cứu xây dựng, áp dụng gần đây nhằm tạo niềm tin, gắn kết giữa chính quyền với người dân, từng bước chuyển từ chính quyền quản lý sang chính quyền phục vụ, thân thiện. Đặc biệt, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ công chức đáp ứng phương châm “Vi Nhân dân phục vụ”, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm và chuyên môn nghiệp vụ cao trong thực thi công vụ, có thái độ lịch sự, nghiêm túc, khiêm tốn; ngôn ngữ giao tiếp chuẩn mực, không quan liêu hách dịch; giải quyết công việc nhanh chóng, hiệu quả.

Với những nỗ lực của đội ngũ cán bộ công chức, từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân phường Đồng Nhân đã tiếp nhận giải quyết hơn 1.000 hồ sơ thì 100% đều được trả kết quả giải quyết trước hoặc đúng hạn, không nhận được phản ánh gì của công dân. Đặc biệt, 100% tổ chức, cá nhân được khảo sát đều trả lời “hài lòng” và “rất hài lòng” với sự phục vụ của cán bộ, công chức cơ quan Ủy ban nhân dân phường, qua đó từng bước nâng cao chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của phường Đồng Nhân và Quận Hai Bà Trưng.

*** Cục Thuế: Hoàn thiện số hóa quản lý thuế**

Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, TP. Hà Nội đã triển khai thực hiện Đề án số 06, làm cơ sở định danh cá nhân và đồng bộ thông tin dữ liệu cá nhân.

Cục Thuế Hà Nội đang thực hiện triển khai Đề án 06 và đã đồng bộ được dữ liệu căn cước công dân, mã số thuế cá nhân với tỷ lệ khớp đúng với dữ liệu Bộ Công an là 92,76%.

Qua việc đồng bộ dữ liệu này, từ việc không xác định được các đối tượng kinh doanh trên nền tảng số, thì đến nay đã xây dựng được kho dữ liệu liên quan của tất cả những cá nhân, hộ kinh doanh có hoạt động kinh doanh trên nền tảng số.

Cục Thuế Hà Nội tập trung cải cách hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số..., tập trung khai thác các nguồn thu còn dư địa để góp phần hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước. Từ cuối năm 2023 và đầu năm 2024, thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục Thuế Hà Nội đã tập trung quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử - là loại hình kinh doanh mới với đối tượng quản lý thuế rộng, phức tạp và phát triển nhanh chóng... theo hướng số hóa.

Theo đó, công tác định danh, định vị đối với tổ chức, cá nhân, thông tin dữ liệu về các giao dịch và đối tượng kinh doanh thương mại điện tử được cập nhật thường xuyên, liên tục. Đến nay, Cục Thuế Hà Nội đã xây dựng cơ sở dữ liệu của hơn 320 doanh nghiệp là chủ sở hữu sàn thương mại điện tử, 54 doanh nghiệp là sàn thương mại điện tử lưu trú, khoảng 21.500 doanh nghiệp, trên 16.500 hộ kinh doanh và hơn 80.600 cá nhân tiền lương, tiền công bán hàng trên các sàn Shopee, Tiki, Lazada, thu thập khoảng 110.000 tài khoản ngân hàng, định danh hơn 591.200 shop...

Cục Thuế Hà Nội đã khớp nối thông tin giữa căn cước công dân của các cá nhân kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử gắn với mã số thuế. Đồng thời, xây dựng được cơ sở dữ liệu thông tin về số tài khoản ngân hàng, doanh thu, mức thuế, dòng tiền của các tổ chức, cá nhân có phát sinh thu nhập từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.

Ngay từ đầu năm, Cục Thuế Hà Nội đã xây dựng kế hoạch thanh tra kiểm tra chuyên đề thương mại điện tử năm 2024 đối với tổng số 2.342 tổ chức, cá nhân. Kết quả bước đầu, Cục Thuế Hà Nội đã thực hiện rà soát và ra quyết định, thông báo theo quy trình kiểm tra là 1.749 tổ chức, cá nhân. Kết quả xử lý 921 tổ chức, cá nhân, tăng thu 104 tỷ đồng, giảm khấu trừ 43 tỷ đồng, giảm lỗ 59 tỷ đồng.

Để hoàn thiện số hóa công tác quản lý thuế, Cục Thuế Hà Nội sẽ tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, xây dựng trang cơ sở dữ liệu thương mại điện tử nhằm khai thác thông tin định danh của người nộp thuế. Đồng thời, đẩy mạnh các phương thức tuyên truyền, hỗ trợ điện tử, kê khai, nộp thuế điện tử, hướng tới mở các cơ quan thuế quản lý thuế ảo, phòng hỗ trợ thuế ảo trên các sàn thương mại điện tử để hỗ trợ người nộp thuế tối đa theo phương thức điện tử, bao phủ đến từng người.

Với mục tiêu triển khai thực hiện hiệu quả, thiết thực công tác quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử trên địa bàn TP. Hà Nội, trước mắt Cục Thuế triển khai thí điểm trên địa bàn quận Hoàn Kiếm. Từ đó, tiến tới xây dựng đề án cấp thành phố về quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử trên toàn TP. Hà Nội. Đặc biệt, việc thực hiện Đề án số 06 trên địa bàn quận Hoàn Kiếm đạt 99,88% tỷ lệ khớp nối dữ liệu với Bộ Công an.

Nguồn: kinhtedothi.vn/baotintuc.vn/ttxvn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: BẢO VỆ CÁN BỘ DÁM NGHĨ, DÁM LÀM, DÁM CHỊU TRÁCH NHIỆM

TP. Hồ Chí Minh đang hoàn thiện đề án “Thí điểm chính sách khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung” thực hiện theo Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị.

Theo đó, liên quan đến việc xây dựng đề án nói trên, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh giao Sở Nội vụ biên tập gọn lại đề án thành 2 nội dung chính là chính sách khuyến khích và chính sách bảo vệ. Đồng thời, hoàn thành dự thảo Tờ trình của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh trước ngày 24/5/2024 để báo cáo, xin ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy.

Đề án "Thí điểm chính sách khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung" do Sở Nội vụ TP. Hồ Chí Minh xây dựng nhằm cụ thể hóa việc triển khai Kết luận số 14-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ, các kế hoạch liên quan của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Đề án nhằm tạo động lực thúc đẩy cán bộ trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Phạm vi áp dụng của đề án là các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Về mục tiêu, đề án sẽ xây dựng các chính sách khuyến khích và bảo vệ cán bộ trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Triển khai áp dụng thí điểm và đánh giá tác động, hiệu quả mang lại của các chính sách khuyến khích và bảo vệ cán bộ; tạo cơ sở để các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp 100% vốn nhà triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất.

Đề án đề xuất 5 nhóm chính sách khuyến khích và bảo vệ cán bộ gồm chính sách thưởng vượt trội; đào tạo, bồi dưỡng; cơ hội thăng tiến (quy hoạch, bổ nhiệm); xét duyệt đối tượng được thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước và chính sách bảo vệ.

Nhiều dấu ấn đổi mới, sáng tạo của TP. Hồ Chí Minh

Trong quá trình hình thành và phát triển, TP. Hồ Chí Minh đã ghi nhận những tấm gương cán bộ lãnh đạo bản lĩnh, sáng tạo và quyết đoán trong từng quyết sách, như quyết định "xé rào, bung ra", xây dựng đường dây 500 kV Bắc - Nam của cố Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh Võ Văn Kiệt; quyết định ủng hộ và khởi xướng cho thời kỳ đổi mới ở TP. Hồ Chí Minh từ trước năm 1986 của cố Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Mai Chí Thọ...

Từ năm 2017 đến nay, TP. Hồ Chí Minh tiếp tục là địa phương đầu tiên đề xuất và được Trung ương chấp thuận việc triển khai tổ chức chính quyền đô thị với nội dung chính là không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường; thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển; thành lập thành phố Thủ Đức. TP. Hồ Chí Minh cũng là địa phương đầu tiên đề xuất thành lập Sở Du lịch để Chính phủ áp dụng chung cho cả nước; thí điểm thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm và vừa được Quốc hội cho phép thí điểm thành lập Sở An toàn thực phẩm...

Phân tích về những nguyên nhân chủ quan, khách quan để xây dựng đề án, Sở Nội vụ cho biết: Thời gian gần đây, TP. Hồ Chí Minh đang giảm bớt sự năng động, sáng tạo vốn có, một bộ phận cán bộ có tình trạng né tránh, đùn đẩy công việc, tâm lý e dè, sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám tham mưu, đề xuất, không dám quyết định công việc thuộc thẩm quyền, có trường hợp đẩy việc lên cơ quan cấp trên hoặc sang các cơ quan khác...

Các Chỉ số cải cách hành chính lần lượt tụt lùi, thua nhiều địa phương khác như trong năm 2022 Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của TP. Hồ Chí Minh chỉ đứng vị trí 27/63 tỉnh thành, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh đứng thứ 42/63, Chỉ số cải cách hành chính đứng vị trí thứ 36/63, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính đứng thứ 43/63. Trong năm 2021 và 2022, có trên 195 cán bộ TP. Hồ Chí Minh bị xử lý kỷ luật, trên 10 cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp nhà nước bị khởi tố hình sự.

Cán bộ, công chức, viên chức tại TP. Hồ Chí Minh đang đối mặt với khối lượng công việc quá tải, áp lực công việc quá lớn. Trung bình mỗi cán bộ thuộc TP. Hồ Chí Minh phải phục vụ 700 người dân, cao gấp đôi so với cả nước; năng suất lao động của TP. Hồ Chí Minh cao hơn khoảng 2,7 lần năng suất lao động của cả nước.

Do khối lượng công việc quá tải, cán bộ thuộc TP. Hồ Chí Minh thường xuyên phải sắp xếp thời gian làm thêm buổi tối mỗi ngày, kể cả thứ Bảy, chủ Nhật. Trong khi đó, chế độ, chính sách đãi ngộ chưa tương xứng. Theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh, cán bộ có mức thu nhập 13,58 triệu đồng/người/tháng, 14,75 triệu đồng/người/tháng đối với công chức, 14,42 triệu đồng/người/tháng đối với viên chức. Nếu không có Nghị quyết số 03/NQ-HĐND này, mức thu nhập của các đối tượng trên lần lượt chỉ có 6,45 triệu đồng/người/tháng, 6,72 triệu đồng/người/tháng và 6,88 triệu đồng/người/tháng.

Đây là một trong nhiều lý do khiến cán bộ thuộc TP. Hồ Chí Minh không còn thời gian cũng như động lực để đổi mới, sáng tạo, đề ra giải pháp, sáng kiến đột phá vì lợi ích chung.

Nguồn: laodongthudo.vn

HÒA BÌNH: THỰC THI NGHIÊM KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG CÔNG VỤ

Theo đánh giá của Bộ Nội vụ, hiện nay đội ngũ thực thi công vụ đang dần thay đổi nhận thức, tư duy, hành động theo hướng quan tâm, vì lợi ích, vì sự hài lòng của người dân và đáp ứng nhu cầu, mong đợi của người dân. Mặc dù vậy, tại nhiều kỳ họp Quốc hội khóa XV, các

phiên họp thường kỳ, chuyên đề hay phiên họp đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách do Ủy ban Thường vụ tổ chức gần đây, nhiều đại biểu còn bày tỏ lo lắng khi việc tổ chức thực hiện pháp luật trên một số lĩnh vực chưa nghiêm, chưa hiệu quả; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức có nơi chưa đồng đều, thậm chí còn yếu.

Theo đánh giá của Bộ Nội vụ, hiện nay đội ngũ thực thi công vụ đang dần thay đổi nhận thức, tư duy, hành động theo hướng quan tâm, vì lợi ích, vì sự hài lòng của người dân và đáp ứng nhu cầu, mong đợi của người dân. Mặc dù vậy, tại nhiều kỳ họp Quốc hội khóa XV, các phiên họp thường kỳ, chuyên đề hay phiên họp đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách do Ủy ban Thường vụ tổ chức gần đây, nhiều đại biểu còn bày tỏ lo lắng khi việc tổ chức thực hiện pháp luật trên một số lĩnh vực chưa nghiêm, chưa hiệu quả; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức có nơi chưa đồng đều, thậm chí còn yếu.

Đại biểu Quốc hội và cử tri cũng phản ánh tình trạng vẫn còn không ít cán bộ, công chức chưa nhận thức đầy đủ, chính xác về sứ mệnh phục vụ người dân, về việc thực thi công vụ theo hướng lấy người dân làm trung tâm; vẫn còn những công chức giải quyết công việc cho tổ chức và người dân một cách thiếu trách nhiệm, có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực.

Tại Hội nghị công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023, Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Nội vụ cho biết, có 10/17 Bộ, cơ quan ngang Bộ không đạt tỷ lệ điểm số tối đa tại tiêu chí "chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức". Trong khi đó, các nội dung người dân mong đợi chính quyền các tỉnh, thành phố cải thiện nhiều nhất là nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết công việc cho người dân; nâng cao chất lượng tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân.

Đại biểu Quốc hội và cử tri cho rằng, trước đòi hỏi thực tiễn xây dựng nền hành chính phục vụ, quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả đã được nêu trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, vấn đề rất quan trọng và cấp bách hiện nay là siết chặt kỷ cương công vụ gắn với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi đối với hoạt động của bộ máy hành chính. Tăng cường giám sát, phản hồi ý kiến của người dân, xã hội đối với sự phục vụ của các cơ quan nhà nước, nhất là thường xuyên lấy ý kiến người dân trong đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, giúp họ thấm nhuần tinh thần biết lắng nghe, cầu thị, trách nhiệm, hết lòng phục vụ người dân, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước cũng như mỗi cá nhân.

Để làm tốt các yêu cầu nêu trên trong bối cảnh kinh tế số, xã hội số, khoa học - công nghệ ngày càng phát triển, nhiều ý kiến đề nghị cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, các quy định, chính sách về một nền công vụ minh bạch, trách nhiệm, công bằng và liêm chính. Trong đó, đặc biệt lưu ý áp dụng khoa học - công nghệ hiện đại, chuyển đổi số trong xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá công chức theo kết quả thực thi công vụ,

đánh giá kết quả thực hiện bộ chỉ số cải cách hành chính hằng năm của cơ quan hành chính các cấp theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch.

Theo kết quả khảo sát được công bố tại hội nghị nêu trên, năm 2023, mức độ người dân sẵn sàng tham gia góp ý về một số vấn đề quản lý nhà nước chưa cao. Trong số người dân được khảo sát, 42,78% sẵn sàng tham gia góp ý nhưng chỉ có 5,95% sẵn sàng góp ý chính sách theo hình thức trực tuyến qua mạng internet. Địa phương có tỷ lệ người dân sẵn sàng góp ý theo hình thức trực tuyến qua mạng internet cao nhất cũng chỉ là 16,76% và tỉnh, thành phố có tỷ lệ thấp nhất là 1,08%.

Các cơ quan hữu quan cần lưu ý kết quả đo lường này để thường xuyên ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông khảo sát bằng các hình thức khác nhau về sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức, viên chức trên các nội dung quản lý nhà nước như ban hành cơ chế, chính sách, xây dựng và hoàn thiện pháp luật, tổ chức thực thi pháp luật, cung cấp dịch vụ công...

Thông qua dữ liệu được tổng hợp, phân tích, cơ quan giám sát các cấp cũng như người dân nắm bắt kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan, đơn vị, từ đó chấn chỉnh tinh thần, thái độ phục vụ người dân, tổ chức, đồng thời có cơ sở sàng lọc, kiến nghị kịp thời thay thế những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, kỷ luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, không còn uy tín với nhân dân.

Nguồn: baohoabinh.com.vn

QUẢNG TRỊ: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Nguyễn Văn Tường trả lời phỏng vấn Báo Quảng Trị. Cụ thể:

Phóng viên: Thưa ông! Những năm qua, tỉnh Quảng Trị xác định chuyển đổi số là giải pháp quan trọng hàng đầu trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị; là công cụ tạo đột phá trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; là mục tiêu và động lực tăng trưởng kinh tế; giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội của địa phương. Nhân dịp này, đề nghị ông cho biết một số kết quả đạt được về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị?

Ông Nguyễn Văn Tường: Có thể thấy, trong phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị đến nay đã kết nối với Trung tâm giám sát quốc gia về chính phủ số và đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6. Tỉnh Quảng Trị đã hợp nhất cổng dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh tạo thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; đã cung cấp 748 dịch vụ công trực tuyến một phần và 973 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; đã đăng ký triển khai tích hợp công khai 1.126 dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Quảng

Trị lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thành triển khai kết nối liên thông Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thanh toán quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, phần mềm chuyên ngành của Bộ, ngành trung ương; triển khai cung cấp dữ liệu từ Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh lên Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) tỉnh và IOC thành phố Đông Hà thông qua nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh Quảng Trị (LGSP) với nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia. Ngoài Cổng thông tin điện tử và Cổng dịch vụ công trực tuyến, tỉnh Quảng Trị đã thiết lập thêm kênh zalo để cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến đến tận người dân và doanh nghiệp.

Đến nay, 100% sở, ban, ngành và địa phương có cổng thông tin điện tử cung cấp thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp. 100% văn bản quy phạm pháp luật, hơn 90% văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh được cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; bảo đảm hệ thống chỉ đạo, điều hành và trao đổi thông tin thông suốt từ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đến các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Hệ thống văn phòng điện tử đã được triển khai đồng bộ đến 100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ văn bản được gửi qua mạng giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ước đạt trên 98% (trừ văn bản mật). 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh (trừ văn bản mật) và 100% văn bản nội bộ của các sở, ban, ngành, địa phương được thực hiện dưới dạng điện tử. Hệ thống thư điện tử công vụ được triển khai đồng bộ tại tất cả các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ cán bộ, công chức của tỉnh Quảng Trị được cấp hộp thư điện tử công vụ đạt 100%; tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc ước đạt trên 70%.

Về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đến nay, 100% trường học, cơ sở giáo dục đảm bảo các điều kiện và chấp nhận thanh toán học phí, phí, lệ phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 100% cơ sở khám, chữa bệnh đảm bảo đầy đủ các điều kiện và chấp nhận thanh toán dịch vụ y tế bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Theo báo cáo chuyên đề về giải pháp đột phá để phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực của Bộ Thông tin và Truyền thông, ước tính tỉ trọng kinh tế số trên GRDP của tỉnh đạt 9,03% và đứng vị trí thứ 26 trên toàn quốc.

Về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, hiện có 80,51% hộ gia đình có kết nối internet băng rộng cáp quang. Toàn tỉnh có 487.083 tài khoản thanh toán đang hoạt động, tỉ lệ bình quân dân số có tài khoản thanh toán ước đạt trên 65%.

Về phát triển dữ liệu số, đến nay, nhiều cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh Quảng Trị đã được triển khai tích hợp với Cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành trung ương như Cơ sở dữ liệu y tế; Cơ sở dữ liệu giáo dục; Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức; các Cơ sở dữ liệu về lao động, thương binh và xã hội; Cơ sở dữ liệu đất đai; Cơ sở dữ liệu về giá; Cơ sở dữ liệu về quản lý cấp phép đầu tư... Các Cơ sở dữ liệu này đến nay cũng đã tích hợp, kết nối liên thông với Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) tỉnh Quảng Trị.

Ngày 18/4/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 749/QĐ-UBND phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết xây dựng kho Cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh; hiện Sở Thông tin và Truyền thông đang tổ chức triển khai kho Cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh.

Về nền tảng số, thực hiện Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số; ngày 17/8/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch số 162/ KH-UBND về triển khai Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; ngày 17/8/2022 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch số 163/KH-UBND về triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Quảng Trị; ngày 31/10/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 2794/QĐ-UBND phê duyệt danh mục các nền tảng số quốc gia triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Đến nay, toàn tỉnh Quảng Trị đã triển khai các nền tảng số bao gồm: Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu; Nền tảng họp trực tuyến; Nền tảng định danh người dân và xác thực điện tử; Nền tảng sàn thương mại điện tử; Nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) tỉnh; Nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) và Nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu tỉnh (LGSP); trong đó Nền tảng LGSP tiếp tục được duy trì và khai thác hiệu quả; đã kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; trực liên thông văn bản quốc gia (VDXP); LGSP tỉnh Quảng Trị cũng đã kết nối Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh với Cổng dịch vụ quốc gia và dịch vụ công của các Bộ, ngành trung ương như dịch vụ khai thác hồ sơ công dân phục vụ xử lý nhóm thủ tục hành chính thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; kết nối dịch vụ khai thác hồ sơ công dân phục vụ xử lý nhóm thủ tục hành chính bảo hiểm; kết nối dịch vụ buru chính công ích; kết nối Cơ sở dữ liệu giá của địa phương với Bộ Tài chính...

Về hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, đã hỗ trợ các doanh nghiệp, các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh tham gia sàn thương mại điện tử nội địa. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã giới thiệu sản phẩm, quảng bá hình ảnh và tiến hành giao dịch kinh doanh trên internet nhằm phát huy năng lực sản xuất, kinh doanh hiệu quả như: giới thiệu quảng bá và xây dựng thương hiệu... Phối hợp với các sàn thương mại điện tử lớn tại Việt Nam (Lazada, Shopee...) triển khai các chương trình tiêu thụ hàng hóa tại thị trường nội địa thông qua các kênh thương mại điện tử.

Về vận hành, duy trì Sàn giao dịch thương mại điện tử (<https://quangtritrade.gov.vn>): Duy trì, vận hành, nâng cấp và bổ sung tính năng hoạt động cho Sàn giao dịch thương mại điện tử (<https://quangtritrade.gov.vn>) giúp sàn hoạt động tốt, ổn định, đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, người tiêu dùng. Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các giao dịch mua bán, thanh toán qua mạng internet thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử. Phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công thương trong việc kết nối Sàn giao dịch thương mại điện tử (<https://quangtritrade.gov.vn>) với các sàn thương mại điện tử của các tỉnh, thành phố trong cả nước. Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị xây dựng và nâng cấp

website thương mại điện tử bằng cách nâng cấp giao diện và các tính năng trên sàn thương mại điện tử. Hỗ trợ các đơn vị cập nhật thêm các sản phẩm đặc trưng, các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, các sản phẩm OCOP của tỉnh.

Hỗ trợ doanh nghiệp giải pháp truy xuất nguồn gốc, thiết kế và in tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm...

Phóng viên: Chuyển đổi số là nhiệm vụ tất yếu, vừa cấp bách, vừa lâu dài. Nhân đây, đề nghị ông cho biết những giải pháp cơ bản để thực hiện chuyển đổi số mà ngành Thông tin và Truyền thông sẽ triển khai trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới?

Ông Nguyễn Văn Tường: Với quan điểm chỉ đạo bám sát chủ đề năm 2024 là năm “phát triển kinh tế số với 4 trụ cột là công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững” để chỉ đạo điều hành đồng bộ, tổ chức triển khai quyết liệt, xác định rõ các nhiệm vụ theo hướng ưu tiên, trọng tâm, trọng điểm. Huy động mọi nguồn lực, sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân và cộng đồng doanh nghiệp để phát triển kinh tế số. Phát triển mạnh mẽ hạ tầng số, ứng dụng số, dữ liệu số đồng bộ, có tính liên thông, kết nối làm cơ sở cho phát triển thương mại điện tử, dịch vụ số thuận lợi.

Theo đó, ngành Thông tin và Truyền thông đề ra một số giải pháp thực hiện như sau:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp. Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền, phổ biến các nội dung về chuyển đổi số trên chuyên trang chuyển đổi số của tỉnh, trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và cổng thành phần của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, trên Báo Quảng Trị và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; trên các hệ thống truyền thanh cơ sở. Chia sẻ, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số. Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh.

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Tổ chức các khóa học, trao đổi về chuyển đổi số với doanh nghiệp, trước hết là những người đứng đầu doanh nghiệp. Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp cùng tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

Hai là, phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp. Phối hợp giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông và tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh để phát triển khách hàng, triển khai dịch vụ, thúc đẩy chuyển đổi số đến tận thôn, xóm.

Phối hợp giữa Tỉnh đoàn và tổ công nghệ số cộng đồng để ra quân hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển thương mại điện tử, tham gia phản ánh hiện trường...

Ba là, nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ. Triển khai thí điểm việc tích hợp dữ liệu IoT trên một số dữ liệu hiện có của tỉnh. Xây dựng nền tảng khai thác dữ liệu trong kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh với các phương pháp học máy, khai

phá dữ liệu ứng dụng trong đô thị thông minh. Thực hiện việc đảm bảo các yêu cầu chung về kết nối các dịch vụ số hóa với các ứng dụng tại đơn vị và kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; thực hiện lưu trữ tài liệu được số hóa, làm hồ sơ gốc phục vụ cho việc quản lý, khai thác tài liệu điện tử...

Bốn là, thu hút nguồn lực công nghệ thông tin. Tập dụng, huy động mọi nguồn vốn nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ thúc đẩy chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Xây dựng chính sách ưu đãi thích hợp cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và an toàn thông tin trong cơ quan nhà nước nhằm duy trì và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ xây dựng chính quyền điện tử/chính quyền số.

Năm là, tăng cường hợp tác quốc tế. Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm; tổ chức, tham gia các hội thảo, đào tạo về chuyển đổi số và định hướng xây dựng chính phủ số/chính quyền số với các nước tiên tiến trên thế giới.

Các tổ chức, doanh nghiệp trong tỉnh hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn trên thế giới để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ mới, mô hình mới.

Chuyển đổi số là nhiệm vụ tất yếu, vừa cấp bách, vừa lâu dài, vì vậy phải được tiến hành khẩn trương, kiên trì, liên tục với những bước đi chắc chắn, có trọng tâm, trọng điểm, kế thừa những thành tựu phát triển khoa học công nghệ và phù hợp với thực tiễn của địa phương. Phải huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển các nền tảng công nghệ số, nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; trong đó, xác định nguồn lực bên trong là cơ bản; nguồn lực bên ngoài là quan trọng.

Phóng viên: Xin cảm ơn ông!

Nguồn: baoquangtri.vn

QUẢNG NAM: “ĐIỂM SÁNG” VỀ SỐ HÓA

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam vừa công bố về số liệu Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn.

Theo đó, Sở Công Thương được xếp hạng xuất sắc và dẫn đầu bảng tổng điểm theo Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp ở khối Sở, Ban ngành cấp tỉnh năm 2024 với 91,21 điểm.

Nhiều thủ tục hành chính đã được cắt giảm từ 30 ngày còn 10 ngày

Lãnh đạo Sở Công Thương nhìn nhận, để có được đánh giá khả quan từ phía người dân và doanh nghiệp, thời gian qua, Sở đã không ngừng đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số.

Đến nay Sở có 131 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Trong đó, 100% thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, không dùng tiền mặt.

Việc hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện quy trình nộp hồ sơ, tra cứu, lấy kết quả đúng hẹn trực tuyến tại nhà, không cần tới cơ quan công quyền, chính là bước đột phá trong cải cách hành chính mà Sở Công Thương đã làm được, mang đến sự thuận tiện, minh bạch và hài lòng cho “khách hàng”.

Sở cũng đã thường xuyên rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại tất cả phòng của sở. Ngoài ra, việc cải cách tài chính công, cải cách tổ chức bộ máy, chế độ công vụ cũng được triển khai quyết liệt.

Đặc biệt, cán bộ của Sở cũng thường xuyên được tập huấn ứng dụng công nghệ số, tự động hóa tối đa trong quá trình cung cấp và xử lý dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng, giúp loại bỏ các bước không cần thiết, giảm thiểu thủ tục hành chính. Nhờ vậy, hiệu suất làm việc tăng lên đáng kể, nhiều thủ tục hành chính đã được cắt giảm từ 30 ngày còn dưới 10 ngày.

Qua khảo sát một số người dân, doanh nghiệp, hầu hết đều bày tỏ sự hài lòng với quy trình giải quyết thủ tục hành chính mà Sở Công Thương đã và đang thực hiện.

Người dân nhận kết quả nhanh, trả tận nhà

Nhận kết quả thủ tục hành chính trước hẹn 14 ngày, chị Trịnh Nguyễn Như Ý (công tác tại một doanh nghiệp ở tỉnh Quảng Nam cho biết, ngày 8/4, chị nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.quanganm.gov.vn để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Giấy hẹn trả kết quả ngày 9/5, nhưng đến ngày 25/4, chị Ý đã được nhân viên bưu điện trả kết quả đến tận nhà.

“Quy trình giải quyết hồ sơ trực tuyến toàn trình tại Sở Công Thương nhanh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả. Toàn bộ quá trình làm hồ sơ, thanh toán phí đều thực hiện online và tôi có thể tự kiểm tra tiến độ giải quyết hồ sơ, hiện trạng hồ sơ đang thế nào, giúp tiết kiệm được chi phí in ấn, thời gian đi lại...”, chị Ý chia sẻ.

Trao đổi với VietNamNet, Phó Chánh Văn phòng Sở Công Thương Nguyễn Thị Thu Quý cho biết, Sở luôn lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo sự phục vụ. Đồng thời, triển khai quyết liệt việc nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình, áp dụng đối với tất cả hồ sơ phát sinh.

Đến nay, 100% quy trình giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tại Sở Công Thương đã được số hóa, ký số và luân chuyển giải quyết trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh, tạo thuận lợi trong thống kê, trích xuất dữ liệu, theo dõi quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trả kết quả,...

Khi có kết quả giải quyết thủ tục hành chính, “khách hàng” sẽ được thông báo qua tin nhắn điện thoại (SMS), email và công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công tỉnh Quảng Nam.

Năm 2023 và từ đầu năm 2024 đến nay, Sở Công Thương đã tiếp nhận 42.413 hồ sơ. Trong đó đã giải quyết 42.399 hồ sơ, còn lại 14 hồ sơ đang được khẩn trương giải quyết.

“Trong năm 2023 và từ đầu năm 2024 đến nay, Sở Công Thương đã đạt tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến, thanh toán trực tuyến 100% hồ sơ phát sinh và không có hồ sơ phát sinh trễ hẹn”, bà Quý chia sẻ.

Tiếp tục nâng cao các chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp

Bà Nguyễn Thị Thu Quý cho biết thêm, đối với công tác chuyển đổi số, Sở thường xuyên chỉ đạo từng bộ phận xây dựng các chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện; phổ biến tuyên truyền trên website Sở...

Thời gian qua, Sở Công Thương cũng đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành các văn bản quy định như quy trình một cửa liên thông giữa cơ quan nhà nước và điện lực trong giải quyết thủ tục hành chính cấp điện qua lưới điện trung áp... Phối hợp triển khai nhiệm vụ Đề án 06 năm 2023 khai báo, cập nhật, tích hợp, đồng bộ hồ sơ cán bộ công nhân viên chức lên cơ sở dữ liệu quốc gia; khai báo, kích hoạt mã định danh điện tử VneID; triển khai quy trình, thủ tục lắp đặt phòng họp trực tuyến.

Theo lãnh đạo Sở Công Thương, để tiếp tục nâng cao các chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp và giữ vững vị trí top đầu như hiện tại, thời gian tới đơn vị sẽ tiếp tục chú trọng nâng cao Chỉ số cải cách hành chính; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban ngành (DDCI); Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS);...

Đảm bảo 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được công bố kịp thời và công khai đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trên Trang thông tin điện tử của Sở.

Nguồn: vietnamnet.vn

PHÚ YÊN: 99,87% HỒ SƠ GIẢI QUYẾT ĐÚNG HẠN

Tính đến tháng 5, trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Tuy An đã giải quyết 99,87% hồ sơ đúng hạn, cao nhất trong khối các địa phương trên địa bàn tỉnh.

Hiệu quả thiết thực mang lại của việc trao đổi văn bản qua mạng và cập nhật hồ sơ giải quyết đúng hạn qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp, công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hiện nay, danh sách thủ tục dịch vụ công trực tuyến của huyện Tuy An là 280 thủ tục.

Thời gian tới, huyện Tuy An tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; triển khai chương trình cải cách hành chính đảm bảo thực hiện đồng bộ tất cả các lĩnh vực, gắn với rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, loại bỏ những thủ tục rườm rà, không hợp lý, tạo bước đột phá về thời gian, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, tăng cường công khai, minh bạch, trong giải quyết thủ tục hành chính gắn với xây dựng chính quyền điện tử, từ

đó tăng lòng tin của người dân và doanh nghiệp, góp phần thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của huyện...

*** TP. Tuy Hòa: Hướng đến nền hành chính minh bạch, chuyên nghiệp**

Xác định công tác cải cách hành chính vừa là mục tiêu vừa là giải pháp quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thời gian qua, Ủy ban nhân dân TP. Tuy Hòa đã tích cực chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác này, hướng đến xây dựng nền hành chính minh bạch, chuyên nghiệp, hiện đại phục vụ người dân ngày càng tốt hơn.

Đảm bảo thuận lợi cho người dân

Đề bảo đảm tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch, công bằng trong giải quyết công việc hành chính, loại bỏ những rườm rà, chồng chéo, gây khó khăn cho người dân, TP. Tuy Hòa đã tiến hành rà soát, hệ thống hóa các quy định về thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực để đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung theo hướng đơn giản, thuận lợi nhất cho người dân. Qua đó đã giảm từ 1/3 đến một nửa thời gian giải quyết các dịch vụ hành chính công trên tất cả các lĩnh vực. Chỉ tính riêng trong Quý I/2024, tổng thủ tục hành chính tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công tỉnh là 1.700 hồ sơ, trong đó đã xử lý 1.344 hồ sơ trước hạn và đúng hạn.

Bà Lê Thị Kim Oanh, người dân ở phường 2, cho biết: “Mới đây, tôi đi làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được các cơ quan chức năng của thành phố hướng dẫn cụ thể các loại giấy tờ liên quan. Sau khi hoàn thiện hồ sơ, thực hiện nghĩa vụ thuế, chỉ trong 1 ngày, tôi đã được cấp giấy chứng nhận”.

Theo Trưởng phòng Phòng Nội vụ TP. Tuy Hòa Nguyễn Thái Bình, thành phố đã tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân và tổ chức công khai, minh bạch các thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; cập nhật, công bố đầy đủ thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử thành phố và các phường, xã... để cá nhân, tổ chức nắm bắt và thực hiện bảo đảm theo đúng quy định.

Bên cạnh đó, TP. Tuy Hòa cũng đã đổi mới, cải tiến lề lối, chế độ làm việc, từng bước xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong tham mưu giải quyết công việc của các phòng ban, đơn vị. Vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước tiếp tục được điều chỉnh, bảo đảm công tác quản lý nhà nước và phục vụ nhu cầu của tổ chức, cá nhân. Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố với không gian thoáng mát, rộng rãi, được đầu tư trang thiết bị, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại. Công chức các phòng chuyên môn cử làm việc tại Bộ phận Một cửa TP. Tuy Hòa nêu cao tinh thần trách nhiệm, trực tiếp hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục hành chính.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị được thành phố đưa vào sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên. Ông Nguyễn Thái Bình cho hay: Thời gian qua, TP. Tuy Hòa luôn tăng cường đầu tư trang thiết bị đầy đủ và hiện đại để đáp ứng kịp thời nhu cầu giải quyết thủ tục

hành chính cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp; chú trọng sắp xếp, bố trí, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất tốt để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; triển khai thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong cung ứng dịch vụ hành chính công.

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TP. Tuy Hòa và các phường, xã được cài đặt và sử dụng phần mềm một cửa điện tử để quản lý hồ sơ một cửa, một cửa liên thông; hiển thị tình hình tiếp nhận, xử lý hồ sơ; phục vụ tra cứu thủ tục hành chính và tình trạng giải quyết hồ sơ của tổ chức, công dân theo mô hình một cửa hiện đại... Đến nay, 100% cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các phường, xã sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành; 100% văn bản được ký số và thực hiện việc nhận, gửi văn bản điện tử giữa các cơ quan, đơn vị liên quan.

Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 8, TP. Tuy Hòa Lê Văn Thoại, cùng với kiện toàn Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, hỗ trợ người dân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4, phường 8 đã tập trung đẩy mạnh mô hình Bộ phận một cửa không dùng tiền mặt. Từ đó tăng tính tiện ích cho công dân đến giao dịch; nâng cao chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn phường.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Tuy Hòa Cao Đình Huy cho biết: Nhằm bảo đảm điều kiện tốt nhất để thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính gắn với xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, thành phố đã lên danh sách, rà soát những vấn đề còn nhiều bất cập, vướng mắc để tìm các giải pháp khắc phục. Qua đó, sẽ tạo thuận lợi cho người dân đến giao dịch tại Bộ phận Một cửa. Thời gian tới, TP. Tuy Hòa tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông về chính quyền điện tử để người dân hiểu, tiếp cận và sử dụng các yếu tố của chính quyền điện tử; tạo dựng môi trường đầu tư cạnh tranh, đơn giản hóa thủ tục hành chính thông qua ứng dụng công nghệ thông tin.

“Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với phát triển đô thị thông minh; hướng tới chính quyền số, trong đó lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm để nâng cao chất lượng dịch vụ. Đây là mục tiêu quan trọng nhất trong xây dựng chính quyền điện tử, phát triển đô thị thông minh của tỉnh và trên địa bàn TP. Tuy Hòa”, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Tuy Hòa Cao Đình Huy chia sẻ.

Nguồn: baophuyen.vn

ĐỒNG NAI: HIỆN KẾ ĐỀ THỨC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ

Từ giữa năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có quyết định về việc thành lập Hội đồng Tư vấn chuyển đổi số của tỉnh.

Hội đồng này có nhiệm vụ tư vấn cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về chiến lược, cơ chế, chính sách, kế hoạch, đầu tư, kỹ thuật, công nghệ, thị trường, tài chính, nguồn nhân lực, xu hướng phát triển và các nội dung có liên quan nhằm

thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính. Đồng thời, xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai cách mạng công nghiệp 4.0 tại Đồng Nai.

Bám sát các tiêu chí, ưu tiên các lĩnh vực cụ thể về chuyển đổi số

Đầu tháng 5 vừa qua, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Tư vấn chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai Nguyễn Sơn Hùng đã chủ trì cuộc họp các thành viên Hội đồng Tư vấn chuyển đổi số tỉnh.

Tại Cuộc họp, các thành viên Hội đồng Tư vấn chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai gồm các chuyên gia về chuyển đổi số, đại diện các doanh nghiệp viễn thông, trường đại học đã trao đổi, phân tích những kết quả đạt được, hạn chế trong quá trình triển khai các dự án về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trong đó, tập trung vào các vấn đề về xây dựng, quản trị cơ sở dữ liệu, việc “đặt hàng”, nêu đề bài, lựa chọn lĩnh vực để triển khai các dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, vấn đề nâng cao các chỉ số về chuyển đổi số...

Chủ tịch Hội Tin học tỉnh Đồng Nai Nguyễn Thanh Hùng chia sẻ, các dự án chuyển đổi số ở cấp huyện, thành phố trong tỉnh cần phù hợp với từng địa phương và căn cứ vào kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh Đồng Nai hàng năm. Đặc biệt, các dự án cần hướng tới mục tiêu phục vụ người dân trên địa bàn, cần ưu tiên nhiều hơn vào các lĩnh vực dân sinh như: y tế, giáo dục... Hiện nay, theo báo cáo thì nhiều địa phương đang có sự dãn trải khi đăng ký triển khai các dự án chuyển đổi số, đầu tư công nghệ thông tin. Ngoài ra, hầu như các địa phương mới chỉ tập trung đăng ký phần đầu tư vào hệ thống truyền thanh thông minh.

Tương tự, PGS. TS. Nguyễn Quang Trung, Trưởng nhóm nghiên cứu về Quản trị chuyển đổi thông minh (Đại học RMIT), bày tỏ tỉnh cần quyết liệt hơn nữa trong việc triển khai thực hiện các tiêu chí theo Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để đánh giá những gì làm được và chưa làm được, muốn đi đến đâu và làm sao để đi đến đó. Trong đó, địa phương cần tập trung các lĩnh vực cần ưu tiên triển khai các dự án về chuyển đổi số như: y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông - vận tải, năng lượng, tài nguyên - môi trường, sản xuất nông nghiệp...

Chú trọng xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển nguồn nhân lực

Tiến sĩ Huỳnh Văn Ngữ, chuyên gia về chuyển đổi số, bày tỏ ý kiến địa phương cần bám sát, phân tích từng tiêu chí về chuyển đổi số theo Quyết định số 749/QĐ-TTg để triển khai các dự án chuyển đổi số một cách phù hợp, đảm bảo các tiêu chí. Bên cạnh đó, tỉnh cần hướng tới “đặt hàng”, nêu đề bài về các sản phẩm, giải pháp chuyển đổi số từ các chuyên gia, doanh nghiệp một cách cụ thể hơn, cũng như đẩy mạnh nguồn nhân lực về chuyển đổi số, nhất là từ các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn; chú trọng hệ thống cơ sở dữ liệu để thúc đẩy chuyển đổi số ...

Theo ông Nguyễn Thanh Hùng, đối với cấp tỉnh, cần tìm ra nguyên nhân về việc chuyển đổi số ở một số lĩnh vực còn chậm, đặc biệt là vấn đề về hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển

đổi số. Tỉnh Đồng Nai cần lưu ý vấn đề nâng cấp trung tâm dữ liệu của tỉnh, chú trọng vào việc xây dựng cơ sở dữ liệu. Trong đó, địa phương cần có phương án triển khai, vận hành trung tâm điều hành thông minh một cách hiệu quả, tiếp cận các công nghệ mới, tránh chông chéo...

PGS. TS. Nguyễn Quang Trung chia sẻ, để cải thiện, nâng cao các chỉ số về chuyển đổi số, yếu tố đầu tiên là địa phương cần dành ưu tiên cao cho triển khai chiến lược chuyển đổi số. Thứ hai là xác định đúng trọng tâm chiến lược chuyển đổi số của địa phương mình; không quá ôm đồm, không chạy theo phong trào, cần rõ ràng, cụ thể và đo lường được.

Thứ ba là việc quản trị thực thi chiến lược nói trên. Đơn cử, trong hoạt động hành chính công, không phải cứ đưa càng nhiều dịch vụ, ứng dụng trực tuyến là phản ánh trình độ chuyển đổi số mà phải có những đánh giá thực tế về hiệu quả, đánh giá xem những ứng dụng nào người dân và doanh nghiệp sử dụng nhiều, những ứng dụng người dân không sử dụng được vì phức tạp hơn cách làm truyền thống. Thứ tư là từng ngành nghề, lĩnh vực phải tập trung làm ngay những điểm nghẽn mà công nghệ và ứng dụng mới có thể giải quyết nhanh chóng.

PGS. TS. Nguyễn Vũ Quỳnh, Phó hiệu trưởng Trường đại học Lạc Hồng, mong muốn trong thời gian tới, địa phương tiếp tục có thêm nhiều hỗ trợ trong việc triển khai các chương trình, khóa học, tập huấn về chuyển đổi số, trong đó có các khóa học về công nghệ vi mạch bán dẫn. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực về chuyển đổi số trên địa bàn...

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Tư vấn chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai Nguyễn Sơn Hùng mong muốn các thành viên trong Hội đồng Tư vấn chuyển đổi số đóng góp nhiều ý tưởng hay, xây dựng đề tài để hiện thực hóa, ứng dụng vào thực tế giúp cho tỉnh phát triển. Các sở, ngành, đơn vị liên quan lắng nghe những góp ý, đánh giá từ các chuyên gia về chuyển đổi số; xây dựng phương án, kế hoạch phát triển các đề tài khoa học về chuyển đổi số phù hợp, hiệu quả tại địa phương.

Nguồn: baodongnai.com.vn

BÀ RỊA - VŨNG TÀU: QUYẾT TÂM TRỞ THÀNH ĐÔ THỊ SỐ

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, nhu cầu chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh trở thành xu hướng tất yếu. Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, việc nâng cao nhận thức về những vấn đề này gắn liền với cải cách hành chính đang được chú trọng, nhằm hiện thực hóa Nghị quyết số 02-NQ/TW của Trung ương.

Chuyển đổi số mạnh mẽ

Là đô thị hiện đang dẫn đầu trong quá trình chuyển mình trở thành một đô thị thông minh, thời gian qua, TP. Vũng Tàu đã có những cải cách, chuyển đổi khá tốt. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Vũng Tàu Vũ Hồng Thuận chia sẻ: "TP. Vũng Tàu hiện đang phát triển thành đô thị thông minh, theo đó các dịch vụ hành chính công sẽ được chuyển đổi trực tuyến, giúp

giảm các thủ tục hành chính không cần thiết cho người dân. Tiến tới chúng tôi sẽ số hóa toàn bộ thủ tục hành chính".

Quyết tâm này phản ánh nỗ lực của chính quyền TP. Vũng Tàu trong việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Việc số hóa các dịch vụ hành chính công không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, công sức mà còn góp phần nâng cao tính minh bạch, giảm thiểu rủi ro tham nhũng, lãng phí.

Bên cạnh đó, quá trình chuyển đổi số cũng đang diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Phó Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường Lê Anh Tú cho biết: "Chúng tôi đã cơ bản hoàn thành việc xây dựng các Cơ sở dữ liệu của ngành; kết nối chia sẻ với các hệ thống thông tin khác, góp phần tăng năng suất lao động của công chức, viên chức và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tích hợp dữ liệu đất đai vào ứng dụng VNeID; triển khai xây dựng các robot để phân tích dữ liệu, hỗ trợ quá trình xử lý công việc của công chức, viên chức, đi vào thực chất của quá trình Chuyển đổi số".

Sự chuyên mình của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong lĩnh vực chuyển đổi số và đô thị thông minh không chỉ mang lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp mà còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư của địa phương. Tuy nhiên, con đường phía trước vẫn đầy thách thức, đòi hỏi sự đồng thuận và nỗ lực không ngừng từ các cấp chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội.

Nhiều thách thức

Nâng cao nhận thức và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những ưu tiên hàng đầu trên hành trình chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Chỉ khi mọi người dân, từ cán bộ công chức đến người lao động, đều hiểu rõ tầm quan trọng và lợi ích của quá trình này, chuyển đổi mới có thể diễn ra thuận lợi và hiệu quả.

Một công chức của TP. Vũng Tàu cho biết: "Ban đầu tôi cảm thấy khá e ngại với việc chuyển đổi sang làm việc trên môi trường số. Tuy nhiên, sau khi tham gia các lớp tập huấn về công nghệ thông tin, tôi nhận ra rằng đây là xu hướng tất yếu và mang lại nhiều lợi ích cho công việc của chúng tôi. Giờ đây, tôi có thể xử lý hồ sơ nhanh chóng hơn và giảm thiểu sai sót nhờ hệ thống quản lý dữ liệu đồng bộ".

Bên cạnh đó, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại cũng là một thách thức đáng kể. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Đỗ Hữu Hiền cho biết: "Để trở thành đô thị thông minh thực thụ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cần có hệ thống mạng lưới, trung tâm dữ liệu, nền tảng chia sẻ dữ liệu và các giải pháp công nghệ tiên tiến khác. Chúng tôi đang nỗ lực huy động nguồn lực để xây dựng hạ tầng này và kêu gọi sự hợp tác từ các doanh nghiệp công nghệ".

Đồng thời, nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số gắn liền với cải cách hành chính, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã triển khai Mini app Zalo "app BR-VT Smart", theo thống kê từ trang quản trị ZaloMiniApp tính từ lúc public tới nay đã có 27.506 người dùng truy cập, mở ra tiềm năng mới trong việc cải cách hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn.

Cuối cùng, việc xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, đồng bộ cũng đóng vai trò quan trọng. Ông Đặng Thành Trí, Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhấn mạnh: "Các quy định, chính sách cần được hoàn thiện, tạo điều kiện cho việc ứng dụng công nghệ, bảo vệ an toàn thông tin và quyền lợi của người dân, doanh nghiệp. Chúng tôi mong muốn có sự tham vấn rộng rãi từ các bên liên quan để xây dựng một môi trường pháp lý vững chắc, đồng bộ cho quá trình chuyển đổi số".

Với quyết tâm mạnh mẽ và sự chung tay của các bên liên quan, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hoàn toàn có khả năng vượt qua những khó khăn, trở thành một điểm sáng trong quá trình chuyển đổi số để xây dựng thành công đô thị thông minh tại Việt Nam.

Nguồn: daidoanket.vn

AN GIANG: NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Bộ Nội vụ đã công bố bảng xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2023. Tỉnh An Giang xếp vị trí thứ 63/63 tỉnh, thành phố cả nước. Kết quả này giống lên hồi chuông báo động: Cần tăng cường hơn nữa kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm trong xử lý công việc của cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là người đứng đầu.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Lê Văn Phước đánh giá, thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhằm nâng cao trách nhiệm, chất lượng hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước, góp phần thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Tuy nhiên, bên cạnh yếu tố tích cực, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của một bộ phận cán bộ, công chức chưa nghiêm, thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao còn chậm, chưa chủ động. Công tác phối hợp giữa các cấp, ngành trong tham mưu, giải quyết công việc đôi lúc thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

Giải quyết công việc của một bộ phận cán bộ, công chức còn biểu hiện gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, công dân. Hơn nữa, chất lượng thông tin, báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu, ảnh hưởng đến công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các ngành, địa phương và của tỉnh An Giang.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trên chủ yếu do nhận thức trách nhiệm, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một số cán bộ, công chức (kể cả cán bộ lãnh đạo quản lý) còn hạn chế; công tác thanh, kiểm tra, quản lý quản lý công chức có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ; việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị chưa thường xuyên, liên tục.

Để khắc phục tồn tại, hạn chế, đặc biệt là khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong giải quyết công việc, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang yêu cầu thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiêm túc quán triệt, thực hiện đầy đủ chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý. Chấp hành nghiêm Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các quy chế, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đặc biệt, chủ động, tích cực giải quyết công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương. Chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, trước pháp luật đối với vấn đề thuộc thẩm quyền, được phân công, ủy quyền, được giao nhiệm vụ. Nhất là trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Đồng chí Lê Văn Phước đề nghị, cần thực hiện đồng bộ các biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính theo hướng "một cửa", "một cửa liên thông"; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính, đơn giản về hồ sơ, thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết công việc; niêm yết công khai, minh bạch thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý trực tiếp của cơ quan, đơn vị.

Toàn tỉnh An Giang phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, thái độ làm việc, tuân thủ nghiêm quy định trong thực thi công vụ. Nghiêm cấm hành vi gây khó khăn, phiền hà, kéo dài thời gian, trục lợi khi xử lý, giải quyết công việc liên quan đến người dân, tổ chức. Đẩy nhanh thời gian xử lý, giải quyết công việc. Cùng với đó, thường xuyên rà soát công việc theo thẩm quyền để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý tập thể, cá nhân vi phạm, né tránh không giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức phát huy trách nhiệm, năng lực, tính chủ động, sáng tạo khi giải quyết công việc; kịp thời động viên, biểu dương, khen thưởng cán bộ, công chức có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang yêu cầu Sở Nội vụ khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp cụ thể nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, tạo chuyển biến mạnh mẽ, cải thiện, nâng cao thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh An Giang năm 2024 và những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, thường xuyên kiểm tra công vụ, chấn chỉnh kịp thời trường hợp vi phạm, làm chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa về văn hóa công sở, thái độ, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sẽ thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo trường hợp sở, ban, ngành, địa phương không thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh; chế độ thông tin, báo cáo, hội họp và ký, gửi văn bản không đúng quy định. “Hồ sơ, văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang không đảm bảo thủ tục quy định, không đảm bảo chất lượng hoặc đề nghị giải quyết công việc không đúng thẩm quyền, Văn

phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải trả lại hồ sơ, văn bản; yêu cầu cơ quan, đơn vị trình, bổ sung đầy đủ theo quy định” - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Lê Văn Phước yêu cầu.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang vừa công bố kết quả xếp loại các đơn vị theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp tháng 4/2024. Theo đó, tỉnh An Giang đạt 76/100 điểm, xếp hạng 16/63 tỉnh, thành phố (tăng 2 bậc so tháng trước), xếp loại “Khá” so thang điểm được quy định của Thủ tướng Chính phủ. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện khắc phục những nội dung, chỉ tiêu chưa hoàn thành. Tăng cường kiểm soát, cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh số hóa, tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ. Bộ phận tiếp nhận, xử lý hồ sơ hàng ngày truy cập trang <https://quantri.dichvucong.gov.vn/> để kiểm tra, rà soát, khắc phục ngay hồ sơ quá hạn đang xử lý.

Nguồn: baoangiang.com.vn

LONG AN: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ

Thời gian qua, tỉnh Long An tập trung lãnh, chỉ đạo triển khai đồng bộ công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn và đã đạt nhiều kết quả quan trọng.

Theo kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính năm 2023, tỉnh Long An đạt 89,22%, tăng 1,81% so với năm 2022, xếp hạng 8/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, giữ hạng so với năm 2022 (8/63), đứng 1/13 các tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Cùng với đó, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của tỉnh Long An đạt 40,83 điểm; so với năm 2022 tăng 1,03 điểm và tăng 11 bậc, xếp hạng thứ 46/63 tỉnh, thành phố trong cả nước.

Phó Giám đốc Sở Nội vụ Trần Hải Tuấn cho biết, để đạt những kết quả trên, thời gian qua, các cấp, các ngành, địa phương trong toàn tỉnh quyết liệt chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tác phong, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng và phát triển chính quyền số, chuyển đổi số; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Long An.

Thời gian qua, tỉnh Long An ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai công tác chuyển đổi số, đặc biệt là tập trung thực hiện công tác chuyển đổi số và lộ trình tắt sóng di động 2G trên địa bàn tỉnh; triển khai, thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên môi trường điện tử; củng cố, nâng cao nhận thức, kỹ năng chuyển đổi số cho Tổ công nghệ số cộng đồng;... Đây là một trong những việc làm hiệu quả thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh phân cấp giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường số hóa hồ sơ, giấy tờ, chú trọng nâng cao hiệu quả thực hiện việc cung cấp trực tuyến, nhất là đối với các dịch vụ công thiết yếu.

Quý I/2024, tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử toàn tỉnh Long An là 60,83%; hồ sơ thủ tục hành chính số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính toàn tỉnh là 60,56%. Chất lượng dịch vụ công trực tuyến được cải thiện. Đến ngày 14/3, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Long An cung cấp 1.578/1.850 dịch vụ công trực tuyến (đạt 85,3%); có 375/386 dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến (đạt 97,15%); có 62.968/64.022 hồ sơ nộp trực tuyến (đạt 98,35%).

Hiện nay, phần mềm Quản lý văn bản và điều hành được duy trì triển khai đồng bộ tại 19/19 sở, ngành tỉnh, 15/15 Ủy ban nhân dân cấp huyện và 188/188 Ủy ban nhân dân cấp xã (với hơn 9.200 tài khoản được cấp), bảo đảm gửi, nhận văn bản liên thông trong nội bộ các cơ quan nhà nước của tỉnh, giữa tỉnh với các cơ quan Trung ương qua Trục liên thông văn bản quốc gia. Quý I/2024, tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước tại cấp tỉnh, huyện đạt 100% (33.557/33.557 văn bản đi), cấp xã đạt 100%.

Toàn tỉnh Long An có 4.938 chứng thư số chuyên dùng của Chính phủ được cấp cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh. 100% Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, huyện được cấp chứng thư số cho cơ quan và lãnh đạo. Quý I/2024, tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử có ký số tại cấp tỉnh, huyện đạt 99,96% (33.545/33.557 văn bản đi), cấp xã đạt 99,92%.

Ông Trần Hải Tuấn cho biết thêm, để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính, hiện các cấp, các ngành, địa phương tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, trọng tâm là cắt giảm thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp, lấy người dân, doanh nghiệp là chủ thể, trung tâm để phục vụ; đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Long An.

Các đơn vị cũng đa dạng hóa cách thức truyền thông, bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân được tiếp cận các thông tin về cải cách hành chính, đặc biệt là những hiệu quả tích cực mà cải cách hành chính mang lại, những cách thức mà người dân có thể đồng hành cùng với cơ quan hành chính nhà nước trong việc nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính như sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ thanh toán trực tuyến, tham gia góp ý qua các kênh mà cơ quan nhà nước lấy ý kiến của Nhân dân về xây dựng chính sách,...; đồng thời, tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng để kịp thời hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, giải quyết thủ tục hành chính theo hình thức trực tuyến. Có như vậy mới huy động sự tham gia đóng góp tích cực của người dân vào tiến trình chuyển đổi số, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Nguồn: baolongan.vn

CƠ CHẾ PHÒNG NGỪA, PHÁT HIỆN, XỬ LÝ CÁC HÀNH VI LỢI ÍCH NHÓM, CỤC BỘ TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

Cơ chế phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật có mối quan hệ mật thiết, nhân quả, không thể tách rời. Thực hiện tốt cơ chế phòng ngừa là điều kiện và cơ sở quan trọng để phát hiện và xử lý các hành vi lợi ích nhóm, cục bộ và ngược lại việc phát hiện và xử lý nghiêm minh các hành vi này có tác dụng răn đe, phòng ngừa tốt trên thực tế. Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ trân trọng giới thiệu bài viết “Cơ chế phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật” của TS. Nguyễn Đình Quyền, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp, nguyên Viện trưởng Viện nghiên cứu lập pháp, đại biểu Quốc hội khoá XII, XIII đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Những vấn đề chung

Xây dựng và hoàn thiện pháp luật là một công việc rất khó khăn, phức tạp và rất công phu, vì đây là vấn đề có nhiều nội dung đối mới liên quan đến hệ thống lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt nam, các quan điểm và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội qua các thời kỳ; chi phối đến hoạt động của Nhà nước, xã hội và công dân; là hoạt động mang tính sáng tạo cao, hoạt động biểu ý chí của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng thành những quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, bảo đảm cho các quan hệ đó vận động theo một trật tự chung phù hợp với các quy luật khoa học phát triển khách quan. Xây dựng pháp luật là hoạt động cơ bản, thường xuyên của bộ máy nhà nước; hoạt động thể hiện và bảo đảm thực hiện quyền lực Nhân dân; yêu cầu khách quan đặt ra đối với hoạt động này là làm thế nào để tạo dựng được một hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, phù hợp, tránh được những biểu hiện lợi ích nhóm, cục bộ, tham nhũng, tiêu cực.

Đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là bảo đảm tính tối cao của các đạo luật trong điều chỉnh các quan hệ xã hội thuộc các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Vì nó phản ánh tính tối cao của quyền lực Nhân dân, là nguồn cơ bản của tất cả các văn bản quy phạm pháp luật, các đạo luật cần phải điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, xã hội và công dân. Trong Nhà nước pháp quyền, tăng cường quyền lực của Nhân dân tất yếu phải tăng cường công tác xây dựng pháp luật một cách đúng đắn nhất, hình thức pháp lý quan trọng của việc thể hiện và thực hiện chủ quyền Nhân dân.

Trong những năm qua, công tác xây dựng pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo đó có rất nhiều chủ thể tham gia vào quy trình nghiên cứu, xây dựng, phân tích chính sách, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, lấy ý kiến Nhân dân, các chuyên gia, nhà quản lý, hoạt động thực tiễn hoặc ý kiến của đối tượng chịu sự

điều chỉnh của văn bản; cho ý kiến, chỉnh lý, hoàn thiện, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thảo luận, xem xét, quyết định thông qua. Tương ứng với mỗi giai đoạn của việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật là thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc thực hiện các bước xây dựng và ban hành văn bản theo quy định của Luật. Tuy nhiên, trên thực tế khi triển khai tổ chức thực hiện thì trách nhiệm công vụ trong công tác xây dựng pháp luật của mỗi Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, ở mỗi khâu, mỗi công đoạn cho đến nay chưa được quy định minh bạch, cụ thể. Điều này thể hiện rõ cả trong hoạt động lập pháp của Quốc hội cũng như lập quy của Chính phủ, các cơ quan của Chính phủ và các cơ quan hữu quan khác.

Theo đó, chất lượng nhiều dự án luật trình Quốc hội chưa tốt, nhiều dự án luật trình Quốc hội đều chậm về thời gian, tiến độ; việc tổng kết thực tiễn thi hành, đánh giá tác động còn hình thức, hiệu quả thấp, chưa dự báo được nguồn lực về tài chính, con người, thời gian, thể chế và các điều kiện khác để bảo đảm các quy định của luật được thực thi trong cuộc sống...; công tác lập quy, xây dựng và ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật cũng trong tình trạng tương tự, thậm chí còn có một số biểu hiện lợi ích cục bộ ngành, lợi ích nhóm trong quá trình tổ chức thực hiện, chẳng hạn như những lĩnh vực đấu giá, đấu thầu, mua sắm tài sản công, xác định giá quyền sử dụng đất, chứng khoán, tín dụng, ngân hàng... Những hạn chế này đã tồn tại khá lâu, tuy nhiên do chế độ trách nhiệm công vụ trong công tác xây dựng pháp luật chưa minh bạch, chưa rõ ràng và việc xử lý trách nhiệm chưa nghiêm minh nên tình trạng đó vẫn xảy ra dưới nhiều hình thức và kéo dài nhiều năm trong công tác xây dựng pháp luật. Đây là chưa kể đến việc ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội thường rất chậm, không kịp thời, thiếu thống nhất, đồng bộ làm cho luật chậm hoặc không đi vào cuộc sống.

Do đó, về thể chế chính sách, pháp luật cũng như trong khâu tổ chức thực hiện cần phải làm rõ để quy định cụ thể, minh bạch hơn về chế độ trách nhiệm công vụ trong công tác xây dựng pháp luật của từng chủ thể, nhất là những chủ thể có trách nhiệm chuẩn bị, phân tích, tham mưu chính sách, soạn thảo, thẩm định, phản biện thẩm tra, quyết định ban hành các dự án văn bản, vấn đề này liên quan đến nhiều chủ thể, cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp nên rất cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, thông suốt của cấp có thẩm quyền để tăng cường chế độ trách nhiệm công vụ, tăng cường thực hiện tốt các cơ chế phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật thời gian tới.

2. Nhận thức rõ, đúng đắn và tổ chức thực hiện tốt, nghiêm các phương diện kiểm soát quyền lực nhà nước để tăng cường cơ chế phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi lợi ích nhóm, cục bộ, trong công tác xây dựng pháp luật

Trên cơ sở các quy định của Hiến pháp và pháp luật cũng như các văn kiện của Đảng và qua hoạt động thực tiễn có thể khái quát kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt nam được thực hiện trên ba phương diện cơ bản sau đây:

Phương diện thứ nhất là kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người có chức vụ, quyền hạn trong hoạt động của từng cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp sau đây gọi tắt là “kiểm soát nội bộ”.

Phương diện thứ hai là kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người có chức vụ, quyền hạn của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp với nhau trong việc thực hiện các quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp sau đây gọi tắt là “kiểm soát từ bên ngoài”.

Phương diện thứ ba là kiểm soát quyền lực từ các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận và của báo chí, Nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người có chức vụ, quyền hạn trong việc thực hiện các quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp sau đây gọi tắt là “kiểm soát từ các thiết chế chính trị”.

Mỗi phương diện kiểm soát quyền lực trên đây lại bao gồm một tổ hợp các nội hàm, phạm vi, quy mô, tính chất, mức độ và phương thức thực hiện hết sức đa dạng, phức tạp cần phải được nghiên cứu, nhận diện cho hết về mặt lý luận và thực tiễn để có những giải pháp hoàn thiện phù hợp, sâu sắc và toàn diện.

Kiểm soát quyền lực trong công tác xây dựng pháp luật có ý nghĩa quan trọng, theo đó hiện nay hầu hết các dự thảo, dự án văn bản quy phạm pháp luật được giao cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ là các cơ quan quản lý theo ngành, lĩnh vực thực hiện, trong một số trường hợp còn phân cấp cho chính quyền địa phương ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhà nước phù hợp với đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi địa phương. Thực tế cho thấy, trong quá trình soạn thảo các cơ quan này thường có xu hướng dành phần thuận lợi cho mình trong công tác quản lý nhà nước cũng như trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đầy phần khó khăn, vướng mắc về phía các đối tượng chịu sự quản lý là người dân, doanh nghiệp hoặc đối với những lĩnh vực quản lý đòi hỏi sự tham gia của nhiều Bộ, ngành thì hay có những biểu hiện mang tính chất tranh giành thẩm quyền, đùn đẩy trách nhiệm, tranh công, đổ lỗi cho các bộ ngành khác hoặc cho địa phương. Biểu hiện rõ nhất là những quy định mang tính lợi ích nhóm, cục bộ.

Do đó, quá trình hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật cần phải được kiểm soát chặt chẽ bằng các thiết chế kiểm soát quyền lực, phản biện xã hội, thẩm định, thẩm tra, cho ý kiến, lấy ý kiến, đánh giá tác động, nhất là ý kiến của các đối tượng chịu sự điều chỉnh, tác động của văn bản quy phạm pháp luật... Các thiết chế này phải có cơ chế vận hành rất cụ thể để bảo đảm triển khai thực hiện được trên thực tế thì mới phát huy được hiệu lực, hiệu quả, làm cho chính sách, pháp luật trở thành động lực khách quan, kiến tạo cho sự phát triển, phù hợp với lợi ích chung, ý chí, nguyện vọng của đại đa số người dân, doanh nghiệp, phòng ngừa và chống các biểu hiện lợi ích nhóm, cục bộ, tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

3. Các cơ chế phòng ngừa, phát hiện và xử lý cụ thể

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng pháp luật. Đảng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Xây dựng pháp luật là hoạt động cơ bản của Nhà nước

pháp quyền nên cũng phải tuân thủ nguyên tắc Đảng lãnh đạo. Đường lối, chủ trương của Đảng là nền tảng chính trị, tư tưởng của công tác xây dựng pháp luật. Do đó, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng là một điều kiện cần thiết và tất yếu khách quan của công tác xây dựng pháp luật và được thể hiện trên các phương diện sau đây:

3.1.1. Đảng tiếp tục nghiên cứu và ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong thời kỳ mới của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của Hiến pháp năm 2013.

Mục tiêu của Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam theo Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ chính trị là xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Hiện nay, hệ thống pháp luật của Nhà nước ta vẫn còn chưa đầy đủ, thống nhất, đồng bộ, một số quy định còn chồng chéo, mâu thuẫn, chưa khả thi..., như một số quy định trong các luật về đất đai, doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng, quy hoạch... Trước yêu cầu mới của sự phát triển kinh tế - xã hội, để tiếp tục thể chế hóa tinh thần và quy định của Hiến pháp năm 2013 trên tất cả các lĩnh vực, hệ thống pháp luật cần có những định hướng mới mang tính chiến lược trong việc hoàn thiện, phát triển là một yêu cầu tất yếu khách quan, nhất là trong tình hình hội nhập quốc tế sâu rộng và cuộc Cách mạng công nghệ lần thứ tư đang diễn ra rất mạnh mẽ hiện nay.

Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn 2045 cần được xây dựng trên cơ sở tổng kết thực tiễn việc thực hiện Chiến lược vừa qua với những định hướng mới, theo đó toàn bộ hệ thống pháp luật, các ngành luật, các luật, bộ luật phải được pháp điển hoá ở mức độ cao hơn; quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải dân chủ hơn, công khai, minh bạch, khoa học hơn; cần quy định rõ trách nhiệm của từng chủ thể và có sự tham gia tích cực, thực chất của người dân vào quy trình này; nghiên cứu để quy định ngay cơ chế kiểm soát quyền lực trong công tác xây dựng pháp luật để khắc phục tình trạng cục bộ, lợi ích ngành, lợi ích nhóm trong các quy định của pháp luật; những vấn đề quy định ở văn bản dưới luật cần phải phát được pháp điển để đưa vào trong luật, hạn chế đến mức tối đa những văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; khắc phục ngay tình trạng trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn trong các văn bản quy phạm pháp luật mà trước hết là trong các đạo luật và tiến tới cả hệ thống pháp luật; xây dựng các tiêu chí để xác định một cách khoa học, khách quan thứ tự ưu tiên các lĩnh vực, đạo luật, chế định cần sớm được xem xét ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện làm cơ sở để xây dựng chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm của Quốc hội; tăng cường tính phản biện và kiểm soát lẫn nhau trong quá trình xây dựng pháp luật; trong các dự án luật cần chú trọng đến nội dung về những điều kiện và biện pháp để bảo đảm thi hành như về nguồn nhân lực, nguồn tài chính, cơ chế, thể chế, thời gian...

3.1.2. Lãnh đạo việc tăng cường nguồn nhân lực cho công tác xây dựng pháp luật. Cùng cố, tăng cường nguồn nhân lực trong công tác xây dựng pháp luật là yếu tố mang tính quyết định đến chất lượng, hiệu quả của công tác xây dựng pháp luật và cũng là cơ chế phòng ngừa,

phát hiện và xử lý hiệu quả các hành vi lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác này. Trong những năm qua, nguồn nhân lực dành cho công tác xây dựng pháp luật đã được kiện toàn một bước. Tuy nhiên, so với yêu cầu của thực tiễn thì chưa phức đáp được đầy đủ, toàn diện nhiệm vụ chính trị đang đặt ra. Chính vì vậy, việc tiếp tục củng cố, kiện toàn, tăng cường nguồn nhân lực đủ năng lực, phẩm chất, đạo đức, bản lĩnh và trách nhiệm cho công tác xây dựng pháp luật phải được định hướng là đầu tư cho phát triển, vì đây là công tác hệ trọng ở tầm vĩ mô, có liên quan đến hàng triệu, hàng chục triệu người, đến sự phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng địa phương và của cả đất nước. Nguồn nhân lực ở đây bao gồm: nguồn nhân lực quyết định chính sách và nguồn nhân lực phân tích chính sách, tham mưu, phục vụ trong công tác xây dựng pháp luật ở cả lập pháp và lập quy.

3.1.3. Lãnh đạo việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế để xác định rõ, cụ thể trách nhiệm của từng thiết chế trong công tác xây dựng pháp luật ở cả trung ương và địa phương. Thể chế, chính sách, pháp luật cũng như trong khâu tổ chức thực hiện cần phải làm rõ, cụ thể, minh bạch hơn về chế độ trách nhiệm công vụ trong công tác xây dựng pháp luật của từng thể chế, chủ thể, từng khâu trong công tác xây dựng pháp luật, nhất là những chủ thể có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra dự án, quyết định ban hành, vấn đề này liên quan đến nhiều chủ thể, cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp nên rất cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, thông suốt của Đảng để tăng cường chế độ trách nhiệm công vụ trong thời gian tới.

3.1.4. Lãnh đạo tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác xây dựng pháp luật. Xây dựng pháp luật là hoạt động cơ bản và rất quan trọng của Nhà nước, có tác động trực tiếp và sâu sắc đến toàn xã hội, quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước. Do đó, thể chế, chính sách, pháp luật cũng như các khâu trong tổ chức thực hiện công tác xây dựng pháp luật phải luôn bảo đảm chặt chẽ, công khai, khách quan, minh bạch, đúng quy định. Trong nền kinh tế thị trường, các nhóm lợi ích phát sinh trong mọi hoạt động là một tất yếu khách quan. Điều này cũng không loại trừ trong công tác xây dựng pháp luật. Thực tế thời gian qua đã cho thấy có một số biểu hiện lợi ích nhóm, lợi ích ngành trong công tác này. Một trong những giải pháp quan trọng là Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, các Bộ, ngành, cấp ủy đảng địa phương cần tăng cường nâng cao năng lực, trách nhiệm, hiệu lực, hiệu quả công tác phản biện, thẩm tra, thẩm định, kiểm tra, thanh tra, giám sát công tác xây dựng pháp luật ở tất cả các khâu, bảo đảm nguyên tắc làm việc trong các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, nhất là nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số...

3.1.5. Nâng cao chất lượng, nhất là tính khả thi của các nghị quyết, văn kiện của Đảng đề ra những quan điểm, đường lối xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm cơ sở chính trị cho công tác xây dựng pháp luật.

Đây là phương thức lãnh đạo quan trọng hàng đầu đối với công tác xây dựng pháp luật, bởi vì không có chủ trương, quan điểm, đường lối, chính sách có tính định hướng chiến lược đúng đắn, cụ thể thì việc chuẩn bị các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sẽ gặp khó khăn trong việc xác định thứ tự ưu tiên, nội dung, nguyên tắc cơ bản cũng như phạm vi và đối

tượng điều chỉnh. Quan điểm, đường lối của Đảng phản ánh khái quát, thể hiện những đặc điểm, yêu cầu cơ bản nhiệm vụ chính trị của đất nước trong mỗi thời kỳ mà công tác xây dựng pháp luật cần phải tập trung bám sát để thể chế hóa kịp thời, toàn diện, đầy đủ và chính xác; là cơ sở chính trị cho hoạt động xây dựng pháp luật, tạo cơ chế phòng ngừa các biểu hiện lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật. Kinh nghiệm cho thấy, ở lĩnh vực nào mà chưa có định hướng rõ về chủ trương, đường lối chiến lược thì ở lĩnh vực đó việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật thường gặp những lúng túng, khó khăn và len lỏi, cài cắm những lợi ích nhóm, cục bộ ngành, địa phương.

3.1.6. Đổi mới căn bản quy trình và cách thức cho ý kiến của Bộ Chính trị đối với các dự án luật.

Việc cho ý kiến của Bộ Chính trị là phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng pháp luật. Tuy nhiên, để phát huy vai trò chủ động sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật thì nội dung cho ý kiến cần tập trung vào những vấn đề mang tính nguyên tắc, đường lối, quan điểm có tính định hướng lớn, không nên đi vào những vấn đề cụ thể của dự án luật, tránh bao biện làm thay đồng thời cũng sẽ tạo nên sự ỷ lại, né tránh hoặc không dám chịu trách nhiệm từ phía các cơ quan nhà nước.

Đề cao vai trò, trách nhiệm của các tổ đảng ở các Ủy ban của Quốc hội; cấp ủy đảng ở các cơ quan, tổ chức hữu quan trong công tác xây dựng pháp luật, bảo đảm quá trình xây dựng, phân tích, phản biện chính sách được khách quan, toàn diện, minh bạch, có căn cứ khoa học và thực tiễn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chống lợi ích nhóm, cục bộ.

4. Tăng cường có hiệu quả hoạt động phản biện trong công tác xây dựng pháp luật

Phản biện chính sách, pháp luật là một khâu đặc biệt quan trọng của công tác xây dựng pháp luật. Trong quản lý nhà nước, quản lý mà không có kiểm tra thì coi như không có quản lý. Tương tự như vậy trong xây dựng pháp luật mà không có phản biện chính sách, pháp luật thì cũng coi như không có hoạch định hoặc chính sách, pháp luật được hoạch định sẽ mang nhiều rủi ro, sai lầm, chứa đựng lợi ích nhóm, cục bộ, tham nhũng, tiêu cực. Chính vì lẽ đó mà phản biện chính sách, pháp luật luôn là một khâu, một công đoạn quan trọng không thể thiếu trong việc hoạch định, quyết định chính sách, pháp luật.

Phản biện chính sách, pháp luật được thực hiện trên hai phương diện:

4.1. Phương diện thứ nhất, phản biện chính sách, pháp luật mang tính quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước; do các tổ chức, cơ quan của Đảng và Nhà nước có thẩm quyền thực hiện như hoạt động phản biện chính sách do các ban, tổ chức của Đảng thực hiện; phản biện chính sách, pháp luật do Bộ tư pháp thực hiện với chức năng thẩm định tất cả các dự án văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan của Chính phủ soạn thảo trước khi trình Chính phủ xem xét, quyết định, hoặc các Bộ, ngành ban hành. Phản biện chính sách, pháp luật thông qua thực hiện chức năng thẩm tra của Hội đồng dân tộc, các ủy ban của Quốc hội đối với các dự án luật; chức năng thẩm tra của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội đối với tất cả những dự án văn bản quy phạm pháp luật trình Quốc hội nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật hoặc chức năng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến đối

với các dự án trước khi trình Quốc hội; hoạt động của Quốc hội thảo luận, cho ý kiến đối với các dự án văn bản quy phạm pháp luật cũng là những hoạt động mang tính phản biện chính sách, pháp luật mang tính quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước... có thể nói đây là phương diện kiểm soát quyền lực nhà nước quan trọng trong công tác xây dựng pháp luật. Thực tế cho thấy, các văn bản quy phạm pháp luật có những quy định biểu hiện lợi ích nhóm, cục bộ hầu hết là những văn bản pháp quy, dưới luật. Đây là nhiệm vụ rất quan trọng nhưng cho đến nay chất lượng, hiệu quả hoạt động thẩm định văn bản của Bộ Tư pháp, giám sát của các Ủy ban của Quốc hội là chưa tốt, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị đang đặt ra trong đổi mới công tác xây dựng pháp luật hiện nay. Trách nhiệm trong hoạt động phản biện chính sách, pháp luật của các thiết chế, cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện nay là chưa rõ ràng, chưa minh bạch, chưa cụ thể cần phải được hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

4.2. Phương diện thứ hai, phản biện chính sách pháp luật mang tính khoa học, độc lập, khách quan và trung lập do các viện nghiên cứu, tạp chí khoa học, các chuyên gia, các nhà khoa học, các nhà hoạt động thực tiễn, nhà quản lý, các phương tiện thông tin đại chúng... thực hiện. Đây là các hoạt động phản biện chính sách, pháp luật không mang tính quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, nhưng có ý nghĩa hết sức quan trọng, không thể thiếu trong công tác xây dựng pháp luật, nhưng cho đến nay hoạt động này còn rất tự phát, không mang tính bắt buộc, hiệu quả chưa cao do thiếu những cơ chế vận hành, huy động, tổ chức, phối hợp thực hiện có hiệu quả.

Yêu cầu khách quan của công tác xây dựng pháp luật luôn đòi hỏi việc nâng cao chất lượng phản biện chính sách, pháp luật của cả hai phương diện và sự đòi hỏi phải kết hợp chặt chẽ, khoa học giữa hai phương diện phản biện mang tính quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước và phản biện mang tính khoa học, độc lập, khách quan, trung lập để nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, tạo cơ chế phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi lợi ích nhóm, cục bộ, tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật đang đặt ra ngày càng cao, ngày càng bức thiết.

5. Giám sát công tác xây dựng pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật

5.1. Giám sát công tác xây dựng pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật là một kênh quan trọng của kiểm soát quyền lực nhà nước và cũng là phương diện phòng ngừa ngừa, phát hiện và xử lý hành vi lợi ích nhóm, cục bộ quan trọng trong công tác xây dựng pháp luật. Tuy nhiên, khác với hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát văn bản quy phạm pháp luật là kiểm soát quyền lực nhà nước ở tầm vĩ mô. Mục tiêu của giám sát không chỉ làm rõ để xử lý trách nhiệm của đối tượng chịu sự giám sát mà quan trọng hơn là thông qua giám sát để tiếp tục rà soát, đánh giá để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật qua đó góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo quy định của hiến pháp. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật lại càng trở nên quan trọng trong điều kiện hiện nay, vấn đề (lợi ích nhóm) đang là một thực trạng khá nhức nhối trong công tác xây dựng pháp luật, nhất là những văn bản quy phạm pháp

luật liên quan tới các dự án hạ tầng, đất đai, đấu thầu, đấu giá, mua sắm tài sản công, chứng khoán, trái phiếu, chương trình mục tiêu quốc gia, xóa đói giảm nghèo, vay tín dụng ưu đãi...

5.2. Hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội được bảo đảm bằng hiệu quả giám sát tại kỳ họp Quốc hội, hoạt động giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội. Tuy nhiên, thực tiễn về cơ cấu tổ chức và hoạt động giám sát thời gian qua cho thấy, giám sát văn bản quy phạm pháp luật chủ yếu do Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội tiến hành. Vì, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội là các cơ quan tham mưu hoạch định chính sách quan trọng nhất của Quốc hội, các cơ quan này có phạm vi hoạt động rộng, đa ngành, đa lĩnh vực. Chẳng hạn như, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội sẽ giám sát công tác xây dựng pháp luật, việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước liên quan đến các lĩnh vực tư pháp và phòng, chống tham nhũng. Do đó, định hướng hoạt động giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác xây dựng pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật cần tập trung vào các cơ quan này.

5.3. Về phạm vi giám sát. Có ý kiến cho rằng chỉ giám sát văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực. Ý kiến khác cho rằng pháp luật quy định thẩm quyền giám sát văn bản quy phạm pháp luật là giám sát công tác xây dựng pháp luật cả ở giai đoạn chuẩn bị ban hành và sau khi ban hành, có hiệu lực. Qua thực tiễn, quan điểm thứ hai là chính xác, vì Quốc hội có quyền giám sát ngay cả trong quá trình định hướng, nghiên cứu, soạn thảo, chuẩn bị như việc tuân thủ pháp luật về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, phạm vi, nguyên tắc làm việc, biểu quyết, nhất là thẩm quyền về mặt nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, việc tuân thủ pháp luật của Ban soạn thảo, cơ quan chuẩn bị dự án. Chẳng hạn văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật nhưng lại có những quy phạm pháp luật mang tính giải thích hoặc việc hướng dẫn vượt quá phạm vi luật giao, có những quy định thể hiện lợi ích nhóm, cục bộ..., hình thức văn bản được ban hành không tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như ban hành dưới hình thức công văn...

5.4. Trong các phương thức giám sát như xét báo cáo công tác, chất vấn, giám sát chuyên đề, giám sát công tác xây dựng pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật... thì có thể nói, hoạt động giám sát này hiện nay đang là khâu yếu, chất lượng và hiệu quả thấp nhất so với các phương thức giám sát khác, vì đây là một việc rất khó, đòi hỏi phải đầu tư nhiều công sức nguồn nhân lực, thời gian với trí tuệ, năng lực và trách nhiệm cao thì mới có thể thực hiện được. Thực tiễn cho thấy, việc phát hiện văn bản quy phạm pháp luật không phù hợp hoặc trái với quy định của Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nhất là các văn bản pháp quy, dưới luật chủ yếu phải thông qua giám sát việc tuân thủ pháp luật trong công tác xây dựng pháp luật; giám sát việc áp dụng pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì mới có hiệu quả thật sự. (Hoặc những nội dung mà trong quá trình soạn thảo luật cơ quan trình dự án muốn đưa vào luật nhưng không đưa vào được thì sẽ được cài cắm mang tính lợi ích nhóm, cục bộ quy định trong văn bản hướng dẫn và quy định chi tiết thi hành).

5.5. Các quy định của pháp luật về cách thức, quy trình, thủ tục, thời hạn trong hoạt động giám sát công tác xây dựng pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật hiện nay là chưa đầy đủ, chưa cụ thể, nhất là cơ chế để xác định trách nhiệm của từng cơ quan; cơ chế để Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các vị đại biểu Quốc hội có cơ sở, điều kiện phát hiện được các hành vi lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật. (trong Luật Hoạt động giám sát mới chỉ quy định ở giai đoạn cuối của quá trình xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái).

5.6. Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật (trong 04 trường hợp Hiến định) các trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng. Chính vì lẽ đó mà giám sát công tác xây dựng pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật là một phương diện kiểm soát quyền lực nhà nước để phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật để bảo vệ quyền con người, quyền công dân, quyền của các doanh nghiệp, nhà đầu tư... theo quy định của Hiến pháp, nhất là trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam cơ chế bảo hiến còn đang trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện.

5.7. Để tăng cường giám sát công tác xây dựng pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật để phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác này thì cần bảo đảm tính minh bạch, công khai và kiểm soát quyền lực trong quá trình hoạch định chính sách, pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhất là ở khâu ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; thực hiện tốt quyền tiếp cận thông tin của người dân; xác định thật rõ, cụ thể trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền giám sát và các cơ quan là đối tượng chịu sự giám sát; các cơ quan của Quốc hội phải coi hiệu quả giám sát công tác xây dựng pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật là một trong những tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình; pháp luật cần có cơ chế, bổ sung quy định để phát huy vai trò, trách nhiệm, trí tuệ của Nhân dân, các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, báo chí trong việc phát hiện, phản ánh và đề nghị xử lý văn bản, quy định có dấu hiệu lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật.

6. ĐỔI MỚI CĂN BẢN CƠ CẤU THÀNH PHẦN VÀ CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BAN SOẠN THẢO, THẨM ĐỊNH, THẨM TRA CÁC DỰ ÁN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT Ở CẢ TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

6.1. Hiện nay, cơ cấu thành phần và cơ chế hoạt động của các ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật là chưa hợp lý. Chính vì lẽ đó mà hoạt động của các ban soạn thảo này, nhất là các ban soạn thảo các dự án văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật hoạt động còn hình thức, không thực chất, không tuân thủ các nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số, hiệu quả hoạt động thấp, đây là điều kiện để các lợi ích nhóm, cục bộ, tham nhũng, tiêu cực phát sinh trong công tác xây dựng pháp luật. Thêm vào đó, công tác thẩm định, phản biện thẩm tra các dự án văn bản chất lượng, hiệu lực, hiệu quả chưa cao; chưa đi vào xem xét, đánh giá, phản biện cụ thể đối với từng quy định, chế định, chính sách, mà mới chỉ dừng lại ở những nhận định, đánh giá chung về các chính sách, quy định trong dự thảo văn bản. Thực tế cho thấy hoạt động của ban soạn thảo, quá trình thẩm định, phản biện thẩm tra thường thiếu những thành phần quan trọng cả về mặt thẩm quyền quyết định và

chuyên môn chuyên ngành sâu để thảo luận, bàn bạc thống nhất theo nguyên tắc dân chủ, làm việc tập thể, quyết định theo đa số. Điều rất đáng lưu ý là, trách nhiệm của ban soạn thảo, cơ quan thẩm định, phản biện thẩm tra và thành viên của ban soạn thảo và các cơ quan này hiện nay quy định là rất mờ nhạt, không rõ, không cụ thể, khó có căn cứ và cơ sở để xác định, truy cứu trách nhiệm đối với từng cơ quan, từng người trong các cơ quan này, kể cả trong trường hợp họ có những hành vi lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật.

6.2. Để khắc phục tình trạng trên đây, cần đổi mới căn bản cơ cấu thành phần và cơ chế hoạt động của ban soạn thảo, cơ quan thẩm định, cơ quan phản biện thẩm tra các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật ở cả Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương theo hướng: người đứng đầu cơ quan, tổ chức thành lập ban soạn thảo, người đứng đầu cơ quan thẩm định, phản biện thẩm tra dự án văn bản quy phạm pháp luật phải chịu trách nhiệm khi có hành vi lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật xảy ra trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của mình. Người có hành vi lợi ích nhóm, cục bộ tùy theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng. Xác định rõ để quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, từng người, từng khâu trong công tác xây dựng pháp luật, trong hoạt động của ban soạn thảo, cơ quan thẩm định, cơ quan phản biện thẩm tra, quyết định ban hành văn bản. Cơ cấu thành phần của ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật phải bao gồm những người có thẩm quyền quyết định trong quá trình hoạt động, những người có đủ chuyên môn sâu để thảo luận, bàn bạc, thống nhất, hình thành cơ chế kiểm soát quyền lực ngay trong thành phần và cơ chế hoạt động của ban soạn thảo. Nghiên cứu và xây dựng cơ chế khoa học để xử lý nhanh, hiệu quả những vấn đề còn có ý kiến khác nhau trong hoạt động của ban soạn thảo. Cơ cấu thành phần, nguyên tắc, cơ chế, trình tự, thủ tục hoạt động của ban soạn thảo phải được quy định chặt chẽ, cụ thể ngay trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tăng cường đáng kể năng lực, bản lĩnh, tính khách quan, trung thực, công khai, minh bạch, trong sáng trong hoạt động của các cơ quan thẩm định, phản biện thẩm tra các dự án văn bản quy phạm pháp luật, quy định rõ, cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan, từng cấp trong quá trình thẩm định, thẩm tra. Tăng cường chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thẩm định, thẩm tra theo hướng cần đi vào những nội dung, chế định, quy định cụ thể của dự thảo văn bản. Quy định rõ hơn nữa giá trị pháp lý của các kết luận, báo cáo thẩm định, thẩm tra. Đề cao trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Phải coi đây là một trong những căn cứ quan trọng để xem xét, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, người có thẩm quyền trong công tác này.

Nguồn: quochoi.vn

QUY ĐỊNH SỐ 142-QĐ/TW: TIỀN CỬ "NHẦM" CÁN BỘ, KHÔNG THỂ ĐỔ LỖ CHO TẬP THỂ

Đại biểu Quốc hội Lê Thanh Vân, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cà Mau cho rằng: "Người tiền cử phải chịu trách nhiệm, phải biết rõ, không phải giới thiệu một cách vu vơ, thân hữu hoặc trục hệ để đổ lỗi cho tập thể. Vấn đề là làm sao phải tách ra được trách nhiệm cá nhân trong trách nhiệm tập thể".

Bộ Chính trị vừa ban hành Quy định số 142-QĐ/TW về thí điểm giao quyền, trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác cán bộ. Điểm đáng chú ý của Quy định là người đứng đầu được quyền giới thiệu nhân sự cấp phó để giúp việc cho mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động của cơ quan. Đồng thời, trách nhiệm của người giới thiệu nhân sự cũng được quy định rõ ràng hơn, ngay cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu. Quy định mới tạo ra sự minh bạch, công tâm hơn trong công tác tổ chức cán bộ, đồng thời kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ.

Quy định số 142-QĐ/TW về thí điểm giao quyền, trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác cán bộ ra đời trong bối cảnh nhiều cán bộ lãnh đạo cấp cao phải nhận kỷ luật Đảng vì chịu trách nhiệm khi để cấp dưới của mình vi phạm khuyết điểm, làm sai, làm trái pháp luật, tham nhũng... gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Đảng và của cá nhân, làm mất niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước...

Việc ban hành Quy định số 142-QĐ/TW được xem là một hướng mới trong công tác tổ chức cán bộ của Đảng, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu và cấp ủy, tổ chức Đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị trong việc chủ động lựa chọn cán bộ cấp phó để giúp việc cho mình, vừa xây dựng tập thể cán bộ lãnh đạo có đủ năng lực, phẩm chất, đoàn kết, cùng hành động vì lợi ích chung.

Nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo Trung ương) Nguyễn Hồng Vinh đánh giá: "Quy định này cũng xuất phát từ thực tiễn, rất hoan nghênh. Quy định tạo điều kiện cho người đứng đầu chọn cấp phó của mình, phải biết được cấp phó nào năng lực, phẩm chất, có đáp ứng được kinh nghiệm mình phân công cho họ không? Điều thứ hai là người đứng đầu ấy phải rất khách quan, công tâm, không bị phụ thuộc vào việc "Anh này đến nịnh mình. Anh kia đến đưa cái kia, cái khác". Đây là điều mà phải biết phân biệt rất rõ. Chủ trương ấy theo tôi là rất đáng hoan nghênh".

Quy định số 142-QĐ/TW đã cụ thể phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện thí điểm về công tác cán bộ, gồm: Giới thiệu nhân sự bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của đơn vị mình; bầu bổ sung ủy viên Ban thường vụ cấp ủy cùng cấp; bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng cấp dưới trực tiếp thuộc thẩm quyền quản lý. Người đứng đầu được quyền giới thiệu 1 nhân sự trong quy hoạch tại chỗ, hoặc 1 nhân sự từ nguồn ở nơi khác cho 1 chức danh để cấp ủy, tổ chức Đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét đưa vào danh sách, tiến hành quy trình công tác cán bộ để hoàn thiện ban lãnh đạo

của cơ quan, đơn vị mà mình được giao phụ trách. Có thể thấy, Quy định số 142-QĐ/TW đã tăng quyền cho người đứng đầu trong việc lựa chọn nhân sự cấp phó trực tiếp của mình. Đồng thời, cũng quy trách nhiệm đích danh người giới thiệu.

GS. TS. Mạch Quang Thắng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh khẳng định: "Người giới thiệu phải chịu trách nhiệm của mình trong giới thiệu người đó. Khi giới thiệu thì phải có trách nhiệm theo dõi, giúp đỡ động viên người ta. Tôi cho rằng lần này quy định của Đảng rất cần thiết. Thí điểm trong vòng mấy năm. Bởi vì, người giới thiệu là người ta phát hiện vào đúng lúc đó nhân tố mới, tích cực thì gắn trách nhiệm của người giới thiệu vào quá trình phấn đấu, quá trình làm việc của người cán bộ đó. Tôi cho là cần thiết lắm mà cũng là một biện pháp rất cấp thiết trong việc nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu".

Quy định số 142-QĐ/TW nêu rõ: "Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu với hai trường hợp: Giới thiệu cán bộ đề bầu cử, bổ nhiệm thiếu công tâm, khách quan, không đảm bảo điều kiện, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực và miễn nhiệm cán bộ không đủ căn cứ, thủ tục.". Đây là một bước đột phá của Đảng khi đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc lựa chọn nhân sự cấp dưới của mình, chấm dứt tình trạng tồn tại lâu nay là không cá nhân nào phải chịu trách nhiệm chính khi để xảy ra sai sót trong việc giới thiệu nhân sự. Mặc dù trong quy trình giới thiệu nhân sự ấy, đôi khi, tiếng nói quyết định thuộc về cá nhân nắm quyền lãnh đạo cao nhất.

Đại biểu Quốc hội Lê Thanh Vân, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cà Mau cho rằng: "Một tập thể, không phải đồng loạt tất cả giơ tay giới thiệu một người mà phải có một người đề xuất, khởi xướng đầu tiên, thì người đó phải có trách nhiệm bảo đảm việc tiến cử của mình. Hơn ai hết, người được đề cử phải có quá trình gắn bó, quá trình chứng minh tài năng, đức độ. Người tiến cử phải chịu trách nhiệm, phải biết rõ, không phải giới thiệu một cách vu vơ, thân hữu hoặc trực hệ, thậm chí "mua bán" chức vụ để đổ lỗi cho tập thể. Vấn đề là làm sao phải tách ra được trách nhiệm cá nhân trong trách nhiệm tập thể".

Với Quy định số 142-QĐ/TW, Đảng tiếp tục khuyến khích tạo ra sự minh bạch, công tâm hơn trong công tác tổ chức cán bộ, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của người đứng đầu trong việc phát hiện, đào tạo, giới thiệu những nhân sự kế cận. Nếu được thực thi nghiêm túc, quy định này sẽ góp phần hình thành một đội ngũ lãnh đạo có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, trung thực, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám hy sinh vì lợi ích của đất nước và nhân dân. Đồng thời, cũng bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định về công tác tổ chức cán bộ, quy định về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ.

Nguồn: vov.vn

BƯỚC CHUYỂN VỀ TƯ DUY

Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2023 được xây dựng từ thông tin phản hồi của 10.676 doanh nghiệp vừa được công bố.

Theo đó, chất lượng điều hành kinh tế cấp tỉnh tiếp tục xu hướng cải thiện, với điểm số Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tổng hợp tại tỉnh trung vị của cả nước đạt 66,66 điểm năm 2023, tăng gần 1,44 điểm so với năm 2022. Nhiều tỉnh tiếp tục duy trì và có sáng kiến mới trong cải thiện môi trường kinh doanh. Các tỉnh nhóm cuối cũng đang vươn lên mạnh mẽ do tích cực học hỏi, áp dụng những bài học từ nhóm tỉnh có chất lượng điều hành cao hơn.

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp cũng có chuyển biến tích cực. Hầu hết, các chỉ tiêu đánh giá về công tác triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp năm 2023 đều có cải thiện so với năm 2022. Chi phí không chính thức cũng tiếp tục chiều hướng giảm. Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết phải chi trả chi phí không chính thức năm 2023 là 33,3%, trong khi các năm 2015 - 2016, tỷ lệ này lên tới 66% và kỷ lục 70% vào năm 2006 - khi chỉ tiêu này lần đầu tiên được đưa vào khảo sát.

Thủ tục gia nhập thị trường cũng thuận lợi hơn. Cải cách thủ tục hành chính cũng có những bước tiến đáng kể khi có khoảng 77% doanh nghiệp cho biết việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp giảm nhiều thời gian và chi phí hơn cho doanh nghiệp so với các phương thức truyền thống.

Dù vậy, báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh cũng chỉ ra những hạn chế. Đó là trở ngại trong tiếp cận đất đai có dấu hiệu gia tăng, môi trường kinh doanh chưa thực sự bình đẳng với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tính năng động, tiên phong của cán bộ chính quyền địa phương có dấu hiệu chững lại. Còn nhiều khó khăn trong tiếp cận tín dụng, tìm kiếm khách hàng, biến động thị trường, biến động chính sách, pháp luật, tác động tiêu cực của thiên tai, biến đổi khí hậu...

Có thể thấy, cùng với việc chỉ rõ những tồn tại, Báo cáo đã ghi nhận những chuyển biến tích cực của chính quyền các tỉnh, thành phố trong nỗ lực tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là những “dữ liệu thô”, mục tiêu chính mà các địa phương phải hướng đến chính là thực hiện tốt vai trò của mình trong việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, an toàn, bình đẳng, thân thiện nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua các thách thức, phục hồi và phát triển ổn định.

Thực tế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh luôn là một trong những ưu tiên chính sách quan trọng và nhất quán của Chính phủ. Và định hướng hiện nay của Chính phủ cũng là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, tháo gỡ các rào cản về quy định pháp luật để khơi thông các nguồn lực phát triển cho cộng đồng doanh nghiệp.

Để thực hiện được điều này, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương ngày càng quan tâm rà soát, loại bỏ các quy định chông chéo trong hệ thống pháp luật, tháo gỡ các rào cản về điều kiện kinh doanh, hài hòa hóa các quy định phù hợp với thông lệ quốc tế.

Đặc biệt, trong bối cảnh kinh tế vĩ mô còn nhiều khó khăn, thách thức, nhiều biến động khó lường như hiện nay thì chính quyền các địa phương cần chứng minh bản lĩnh và năng lực giải quyết các vấn đề mới, cải thiện hiệu quả việc hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là trong việc gia nhập thị trường và tạo thuận lợi tiếp cận các nguồn lực sản xuất như đất đai, lao động, tín dụng.

Bởi, Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) Phạm Tấn Công đã từng phát biểu rằng, việc tăng cường minh bạch thông tin, giảm các phiền hà về tuân thủ thủ tục hành chính và giảm gánh nặng chi phí không chính thức ở các địa phương sẽ có hiệu quả tương đương như các gói hỗ trợ về tiền tệ và tài khóa mà Chính phủ đã ban hành thời gian qua.

Quan trọng hơn, việc công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh còn thể hiện bước chuyển tư duy đó là các doanh nghiệp - trong tư cách thụ hưởng các dịch vụ hành chính công có quyền, trách nhiệm đánh giá chất lượng dịch vụ. Từ đó, đưa ra những khuyến nghị, yêu cầu chính quyền địa phương phải lắng nghe và có hành động đáp ứng các yêu cầu, đòi hỏi chính đáng của cộng đồng doanh nghiệp.

Nguồn: daibieunhandan.vn

ĐỒNG NAI: CẢI THIẾN CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN

Kết quả xếp hạng chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh Đồng Nai đã có sự cải thiện rõ rệt khi tăng tới 19 bậc, xếp thứ 32/63 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, tỉnh Đồng Nai chưa thể hài lòng với kết quả xếp hạng này, vì thực tế vẫn còn nhiều người dân và doanh nghiệp than phiền về công tác cải cách hành chính.

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bảo cho rằng: “Phải tiếp tục nâng cao chất lượng cải cách hành chính đúng tầm, vì tỉnh đã xác định đây là một trong những khâu đột phá trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025)”.

Chậm trễ vì đâu?

Tỉnh Đồng Nai đã từng có giai đoạn thực hiện tốt công tác cải cách hành chính khi được xếp hạng top đầu trong cả nước. Nhưng những năm gần đây, chỉ số này liên tục sụt giảm và có năm rơi xuống vị trí thứ 51/63 tỉnh, thành. Việc tụt hạng là điều đáng trăn trở khi tỉnh Đồng Nai là tỉnh công nghiệp lớn, có đóng góp ngân sách thuộc top đầu cả nước. Kết quả xếp hạng cải cách hành chính thấp không chỉ ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội, môi trường cạnh tranh trong thu hút đầu tư, mà còn ở lòng tin của người dân, doanh nghiệp vào bộ máy chính quyền.

Một trong những thách thức nâng cao chất lượng cải cách hành chính hiện nay chính là đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp đúng hẹn. Bởi thực tế,

nhiều người dân và doanh nghiệp phải chật vật mới hoàn thiện được đầy đủ một bộ hồ sơ để được tiếp nhận. Tuy nhiên, ngay cả khi hồ sơ đã được

Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Võ Văn Đức, Trưởng ban Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh: Cải thiện chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp một cách thực chất

Tỉnh Đồng Nai đang đứng trước giai đoạn phát triển mới khi hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện. Chính vì vậy, bộ máy từ tỉnh đến tận các xã, phường, thị trấn phải hoạt động một cách nhịp nhàng, lấy hiệu quả thực chất làm trên hết thì mới tạo đà cho kinh tế - xã hội phát triển.

Đơn cử, ông Nguyễn Tiến Dũng (ngụ phường Tân Phong, TP. Biên Hòa) muốn gộp 2 miếng đất nằm kề nhau, sau đó chia đều cho 2 con làm tài sản thừa kế. Ông Dũng đã nộp hồ sơ vào Văn phòng Đăng ký đất đai Đồng Nai - Chi nhánh TP. Biên Hòa suốt nhiều tháng, phải đi lại nhiều lần mới được giải quyết. Lý do chậm trễ là vì hồ sơ liên quan đến nhiều bộ phận, phải phối hợp mới có thể giải quyết.

Ông Nguyễn Tiến Dũng bức xúc cho hay: “Khi nộp hồ sơ, tôi phải làm đủ thủ tục cần thiết mới được cán bộ tiếp nhận và đưa lại cho tôi phiếu hẹn ngày đến nhận kết quả. Đến ngày hẹn, tôi đến nhận kết quả thì cán bộ chỉ nói chưa có, rồi chỉ tôi đi hỏi hết bộ phận này đến bộ phận khác. Việc phải đi lại khiến tôi mất thời gian và khá mệt mỏi”.

Mới đây, tại cuộc đối thoại của lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp, một doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp đã thẳng thắn phản ánh với tỉnh Đồng Nai về chuyện thủ tục hành chính của mình bị “ngâm” liên quan đến Sở Tài nguyên và môi trường và Cục Thuế tỉnh. Ngay tại buổi đối thoại, 2 đơn vị chịu trách nhiệm giải quyết hồ sơ đã “đá bóng” trách nhiệm cho nhau. Khi lãnh đạo tỉnh Đồng Nai chỉ đạo xác định rõ trách nhiệm của từng bên, đồng thời chấn chỉnh kịp thời thì toàn bộ thủ tục hành chính đã được giải quyết. Điều đó cho thấy, nếu các cơ quan chức năng giải quyết đúng tinh thần và trách nhiệm phục vụ doanh nghiệp thì đã không có bức xúc xảy ra.

Để làm tốt công tác cải cách hành chính, mang lại sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp, thời gian qua, Sở Nội vụ đã tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nề nếp công vụ tại nhiều sở, ngành, địa phương, đơn vị. Qua kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh tinh thần, thái độ và trách nhiệm của cán bộ, công chức là những người trực tiếp tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính. Tuy nhiên, với đặc thù của một tỉnh có dân số đông, số lượng các loại hình doanh nghiệp lớn, trong khi quy trình giải quyết nhiều thủ tục hành chính còn rườm rà đang là rào cản lớn, gây ra sự chậm trễ trong giải quyết hồ sơ.

Cần siết quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính

Không chỉ người dân, doanh nghiệp gặp phải tình trạng chậm trễ trong giải quyết thủ tục hành chính, mà ngay trong bộ máy từ cấp huyện đến tỉnh cũng tồn tại tình trạng chậm trễ trong phối hợp cho ý kiến về việc giải quyết các sự việc cụ thể. Có trường hợp đơn vị cấp sở với nhau nhưng phải mất 6 tháng mới nhận được văn bản phản hồi.

Theo Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Huỳnh Thanh Bình, tình trạng chậm trễ trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính là trách nhiệm của bộ máy chính quyền, mà trước hết thuộc về vai trò của người đứng đầu. Cần phải siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính để không còn tình trạng cán bộ né tránh công việc, sợ trách nhiệm, sợ sai không tham mưu trong giải quyết những sự việc cụ thể.

Trong khi đó, Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư Nguyễn Hữu Nguyên cho rằng, sự chậm trễ trong giải quyết thủ tục hành chính ảnh hưởng không nhỏ đến cơ hội của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh Đồng Nai.

Đề cập đến tinh thần, thái độ và trách nhiệm của cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính của người dân và doanh nghiệp, tại Hội nghị giao ban công tác cải cách hành chính của tỉnh Quý I/2024, Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường Đặng Minh Đức đã thẳng thắn nêu thực trạng có người dân vì bị trễ hẹn trả kết quả đã gọi điện phản ánh trực tiếp với lãnh đạo tỉnh. Sau khi lãnh đạo tỉnh gọi điện cho lãnh đạo sở và tiến hành kiểm tra thì hồ sơ được giải quyết ngay. Điều đó chứng tỏ sự việc cần được giải quyết không hề vướng, mà do cán bộ, công chức chưa làm hết trách nhiệm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Biên Hòa Đỗ Khôi Nguyên cho hay, thời gian qua, Ủy ban nhân dân thành phố đã chấn chỉnh tình trạng những trường hợp cán bộ chưa làm hết trách nhiệm với dân trong giải quyết thủ tục hành chính. Thành phố cũng chấn chỉnh và xử lý kịp thời tình trạng “cò” hồ sơ thủ tục hành chính, là nguyên nhân có thể dẫn đến tiêu cực, ảnh hưởng đến hình ảnh của bộ máy chính quyền thành phố.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Nguyễn Sơn Hùng: Đánh giá người đứng đầu qua hiệu quả cải cách hành chính

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo Sở Nội vụ tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công tác cải cách hành chính và giải quyết thủ tục hành chính tại các sở, ngành, địa phương. Nơi nào có kết quả chưa tốt, còn dễ xảy ra chậm trễ nhiều thì phải làm rõ nguyên nhân và xác định cụ thể trách nhiệm nằm ở khâu nào, cán bộ nào. Cần phải xử lý người đứng đầu nếu để xảy ra chậm trễ hồ sơ, thay vì chỉ nói chung chung rồi đầu lại vào đó.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất Trần Đức Hòa: Nâng cao hiệu quả hoạt động bộ máy chính quyền các cấp

Khối lượng thủ tục hành chính đối với các đơn vị cấp huyện, xã hiện nay tương đối nhiều nhưng vẫn có thể đạt được hiệu quả khi cán bộ, công chức làm hết trách nhiệm. Bên cạnh đó, phải tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục hành chính không cần thiết bằng cách ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục. Khi ứng dụng công nghệ thông tin tốt có thể theo dõi và quản lý chặt chẽ quá trình giải quyết thủ tục đang chậm ở khâu nào và ai phải chịu trách nhiệm.

Nguồn: baodongnai.com.vn

LONG AN: NỮ VIÊN CHỨC TÂM HUYẾT VỚI CÔNG VIỆC

Nhắc đến những cán bộ, công chức, viên chức tiêu biểu trong công tác cải cách hành chính tại huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, không thể không nhắc đến chị Huỳnh Thị Thu Lan (SN 1990) - viên chức Trung tâm Hành chính công huyện Đức Hòa. Với tinh thần trách nhiệm cao, sự tận tâm và chuyên nghiệp, chị Lan đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Chị Lan công tác tại Trung tâm Hành chính công huyện Đức Hòa từ năm 2017 đến nay. Chị được giao phụ trách hành chính tổng hợp, công tác cải cách hành chính và tổ trưởng Tổ Tiếp nhận hồ sơ hành chính.

Với tinh thần ham học hỏi, cầu tiến, chị Lan chủ động trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng về cải cách hành chính. Bên cạnh đó, chị cũng tích cực học hỏi kinh nghiệm từ những đồng nghiệp đi trước để hoàn thiện bản thân và nâng cao hiệu quả công việc.

Nhờ sự nỗ lực không ngừng, chị Lan đạt nhiều thành tích trong công tác cải cách hành chính. Năm 2022, chị tham mưu lãnh đạo đơn vị thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, cụ thể tiếp tục thực hiện công tác tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính đúng theo bộ thủ tục hành chính đã quy định; thường xuyên theo dõi, đôn đốc các đơn vị trả kết quả giải quyết đúng hạn; công tác số hóa hồ sơ đầu vào, đầu ra bảo đảm đạt yêu cầu. Nhờ vậy, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong năm 2022 cấp huyện trễ hạn chỉ 0,91%.

Đến năm 2023, chị tiếp tục tham mưu lãnh đạo đơn vị và Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của huyện. Đồng thời, chị cũng tham mưu lãnh đạo đơn vị thực hiện chế độ báo cáo đúng nội dung, biểu mẫu và thời gian quy định; giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy trình, quy định, hạn chế thấp nhất hồ sơ trễ hạn.

Chị Lan cho biết, quan tâm việc niêm yết bộ danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung tâm Hành chính công huyện, bảng niêm yết của trụ sở cơ quan bằng văn bản giấy và qua mô hình Trồng cây chuyển đổi số (Quét mã QR); đồng thời, công khai trên trang Thông tin điện tử của huyện bảo đảm theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi đến giao dịch.

Năm 2023, thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” tại đơn vị, chị Lan phối hợp hiệu quả với các bộ phận liên quan bảo đảm giải quyết hồ sơ đúng hạn đạt 99,10%, trước hạn 54,53% (chỉ tiêu thi đua 50%) và trễ hạn chỉ chiếm 0,90%.

Với những nỗ lực và đóng góp của mình, năm 2023, chị Huỳnh Thị Thu Lan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa tặng Giấy khen vì có thành tích thực hiện tốt công tác cải cách hành chính.

Nguồn: baolongan.vn

CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BỘ, NGÀNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 17/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 72/NQ-CP thống nhất thông qua Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 252 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 như đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường.**

Chính phủ giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc đề nghị bổ sung Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 252 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2024; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trình Quốc hội quyết định việc xây dựng, ban hành Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV (tháng 5 năm 2024) theo quy trình xem xét, thông qua tại một kỳ họp.

*** Ngày 17/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.**

Theo Nghị định, hoạt động khai thác cát, sỏi trên sông bao gồm khai thác cát sỏi lòng, bãi sông phải tuân thủ quy định pháp luật về khoáng sản, các pháp luật khác có liên quan, đáp ứng các yêu cầu chung về bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và các yêu cầu sau:

Ranh giới khu vực khai thác phải cách mép bờ một khoảng cách an toàn tối thiểu phù hợp với chiều rộng tự nhiên của lòng sông, đặc điểm địa hình, địa chất, mức độ ổn định của bờ sông do cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo thẩm quyền quyết định.

Độ dốc đáy của tuyến khai thác tương đương độ dốc tự nhiên của đáy đoạn sông khai thác và đảm bảo không làm thay đổi đột ngột độ dốc của toàn tuyến sông; độ sâu khai thác phải phù hợp với đặc điểm địa hình, địa chất của đoạn sông, bảo đảm không được hình thành các hố xoáy hoặc gia tăng nguy cơ gây mất ổn định bờ sông do cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo thẩm quyền quyết định.

Trường hợp đoạn sông ở khu vực trung du, miền núi bị bồi lắng theo mùa, căn cứ diễn biến của tình hình bồi lắng, cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo thẩm quyền quyết định yêu cầu cụ thể đối với hoạt động khai thác cát, sỏi, bảo đảm phòng ngừa, hạn chế nguy cơ sạt lở bờ, bãi sông.

Đối với trường hợp khai thác cát, sỏi trên bãi sông thì cao độ đáy khu vực khai thác không vượt quá cao độ ứng với mực nước trung bình mùa cạn tại khu vực khai thác, trừ trường hợp kết hợp với việc khơi thông dòng chảy, tăng cường khả năng thoát lũ của đoạn sông.

Vị trí, phạm vi, chiều sâu khai thác và chế độ khai thác cát, sỏi phải do cơ quan nhà nước cấp phép khai thác khoáng sản cho phép theo quy định pháp luật về khoáng sản bảo đảm không gây xói lở để bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

Trường hợp đang khai thác mà có hiện tượng sạt lở bờ tại khu vực khai thác, thì phải tạm dừng việc khai thác, đồng thời báo cáo ngay cho chính quyền địa phương và Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có hoạt động khai thác để chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Trường hợp không đủ điều kiện để tiếp tục khai thác thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung vào khu vực cấm, tạm thời cấm khai thác cát, sỏi trên sông theo quy định pháp luật về khoáng sản.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng nêu rõ yêu cầu đối với các hoạt động khai thác cát, sỏi trong hồ.

Việc khai thác cát, sỏi tại khu vực lòng hồ tuân thủ quy định của pháp luật về khoáng sản, các pháp luật khác có liên quan, đáp ứng các yêu cầu chung về bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và các yêu cầu sau:

Phải gắn với yêu cầu nạo vét, phòng, chống bồi lắng lòng hồ; vị trí, phạm vi, chiều sâu khai thác và chế độ khai thác phải được cơ quan nhà nước cấp phép khai thác khoáng sản theo quy định pháp luật về khoáng sản đảm bảo không gây xói lở để bảo vệ lòng, bờ hồ.

Không gây ô nhiễm nguồn nước; không làm ảnh hưởng đến các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước của hồ; không làm suy giảm chức năng, nhiệm vụ của hồ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với trường hợp khai thác cát, sỏi tại khu vực lòng hồ chứa thủy điện, thủy lợi thì phải tuân thủ các quy định pháp luật về thủy lợi, pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và bảo đảm an toàn công trình, bảo vệ môi trường hồ chứa.

*** Ngày 10/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2024/NĐ-CP quy định về hoạt động thông tin cơ sở.**

Nghị định giải thích rõ: Thông tin cơ sở là thông tin thiết yếu được truyền tải trực tiếp đến người dân thông qua các loại hình thông tin: đài truyền thanh cấp xã; bảng tin công cộng; bản tin thông tin cơ sở; tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở; tuyên truyền trực tiếp qua tuyên truyền viên cơ sở; cổng hoặc trang thông tin điện tử; mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet; tin nhắn viễn thông.

Hoạt động thông tin cơ sở là hoạt động cung cấp thông tin thiết yếu; tiếp nhận thông tin phản ánh và thông tin nội dung trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đối với thông tin phản ánh của người dân thông qua các loại hình thông tin quy định nêu trên.

Hoạt động thông tin cơ sở phải bảo đảm nguyên tắc thông tin kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch, phù hợp với trình độ, nhu cầu của người dân ở từng vùng, miền, đặc biệt là người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương. Bảo đảm thực hiện nhiệm vụ truyền thông chính sách của Đảng, Nhà nước, cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân.

Tôn trọng ý kiến đóng góp của người dân; tiếp nhận thông tin phản ánh và thông tin nội dung trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đối với thông tin phản ánh của người dân.

Nghị định cũng nêu rõ: Nhà nước bảo đảm nguồn lực cần thiết cho hoạt động thông tin cơ sở. Đồng thời, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ tuyên truyền, kỹ năng sử dụng thiết bị kỹ thuật, công nghệ, kỹ năng chuyển đổi số trong hoạt động thông tin cơ sở cho người tham gia hoạt động thông tin cơ sở.

Nghị định quy định cụ thể thông tin thiết yếu của thông tin cơ sở gồm: 1. Thông tin về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của cấp ủy, chính quyền địa phương, những sự kiện quan trọng liên quan đến người dân ở địa phương. 2. Những thông tin liên quan đến người dân ở địa phương: a) Thông tin về dự án, chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, an sinh xã hội ở địa phương; b) Thông tin liên quan đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; c) Thông tin liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và công tác quân sự ở địa phương; d) Thông tin về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn; hỏa hoạn; cấp cứu, dịch bệnh; thảm họa xảy ra ở địa phương hoặc có ảnh hưởng đến địa phương; đ) Thông tin về gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới, điển hình tiên tiến trong các lĩnh vực; e) Thông tin các biện pháp đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội; g) Thông tin sản phẩm, dịch vụ cần thiết phục vụ sản xuất và đời sống của người dân ở địa phương. 3. Những thông tin khác theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Nghị định quy định về hoạt động thông tin cơ sở theo 8 loại hình: 1. Đài truyền thanh cấp xã; 2. Bảng tin công cộng; 3. Bản tin thông tin cơ sở; 4. Tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở; 5. Tuyên truyền trực tiếp qua tuyên truyền viên cơ sở; 6. Tuyên truyền trên cổng hoặc trang thông tin điện tử; 7. Tuyên truyền qua mạng xã hội và ứng dụng nhắn tin trên Internet; 8. Tuyên truyền qua tin nhắn viễn thông.

*** Ngày 04/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 46/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021.**

Trong đó, Nghị định này bổ sung thêm "Điều 3a. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính".

Cụ thể, Nghị định này bổ sung biện pháp ngăn chặn là tạm giữ tên miền thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm: Đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại của người khác được bảo hộ nhằm chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng.

Nghị định này cũng sửa đổi, bổ sung "Điều 9. Vi phạm quy định về niêm phong, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm trong quá trình thanh tra, kiểm tra".

Theo quy định mới, phạt tiền từ 2.000.000 đồng - 5.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo nguyên trạng, tháo gỡ, phá bỏ niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm đang bị niêm phong, tạm giữ.

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng - 10.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi nhưng chưa tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy tang vật, phương tiện đang được xem xét trong quá trình thanh tra, kiểm tra hoặc đang bị niêm phong, tạm giữ.

Phạt tiền từ 15.000.000 đồng - 30.000.000 đồng đối với hành vi tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy tang vật, phương tiện đang được xem xét trong quá trình thanh tra, kiểm tra hoặc đang bị niêm phong, tạm giữ.

Nghị định này bổ sung Khoản 13a vào sau Khoản 13 Điều 10 quy định về xử phạt hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí. Theo đó, Nghị định này bổ sung mức phạt tiền từ 20.000.000 đồng - 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mà không trả tiền đền bù theo quy định về quyền tạm thời quy định tại Điều 131 Luật Sở hữu trí tuệ.

Đồng thời, Nghị định này cũng bổ sung Khoản 14a vào sau Khoản 14 Điều 11 về xử phạt hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp. Cụ thể, Nghị định này bổ sung mức phạt tiền từ 20.000.000 đồng - 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng kiểu dáng công nghiệp mà không trả tiền đền bù theo quy định về quyền tạm thời quy định tại Điều 131 Luật Sở hữu trí tuệ.

*** Ngày 14/5/2024, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 412/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024 - 2025.**

Theo đó, Quyết định này cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến 6 ngành nghề kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024 - 2025 gồm: Dịch vụ kế toán; dịch vụ thẩm định giá; lĩnh vực tài chính ngân hàng; lĩnh vực thuế; lĩnh vực hải quan; lĩnh vực chứng khoán.

Cụ thể, để đẩy mạnh số hóa, cắt giảm thành phần hồ sơ trên cơ sở khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện, Quyết định này đã bãi bỏ trường thông tin ngày cấp, nơi cấp giấy tờ công dân tại mẫu đơn đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán...

Đối với thủ tục: cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó; cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế, bỏ quy định về thành phần hồ sơ "Phiếu lý lịch tư pháp đối với người quản lý, điều hành doanh nghiệp" nhằm cắt giảm thành phần hồ sơ là bản sao phiếu lý lịch tư pháp để phù hợp với quy định về tiêu chuẩn và điều kiện đối với người quản lý, điều hành doanh nghiệp, giúp giảm thời gian, chi phí cho cá nhân, tổ chức.

Quyết định này bổ sung phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đối với thủ tục hành chính liên quan đến giảm thuế thu nhập cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, do bị tai nạn, mắc bệnh hiểm nghèo.

Đối với ngành nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực hải quan, Quyết định này đơn giản hoá điều kiện thực hiện thủ tục công nhận doanh nghiệp ưu tiên theo hướng giảm yêu cầu về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu trong năm đối với chủ thể là nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

*** Ngày 06/5/2024, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ký ban hành Thông tư số 01/2024/TT-BXD quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong ngành Xây dựng.**

Theo đó, Thông tư nêu rõ đối tượng xét tặng “Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng” gồm: Lãnh đạo, nguyên Lãnh đạo Bộ Xây dựng; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang công tác hoặc đã nghỉ chế độ trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc ngành Xây dựng; lãnh đạo các bộ, ban, ngành, tổ chức đoàn thể Trung ương, địa phương; cá nhân ngoài ngành Xây dựng có công lao đóng góp cho sự nghiệp phát triển của ngành Xây dựng; cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân người nước ngoài có thành tích, công lao đóng góp cho sự nghiệp phát triển của ngành Xây dựng.

“Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng” để tặng hoặc truy tặng một lần cho cá nhân đang công tác hoặc đã nghỉ chế độ trong ngành Xây dựng, đạt một trong các tiêu chuẩn sau: a) Lãnh đạo, nguyên Lãnh đạo Bộ Xây dựng; b) Cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động; c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và có thâm niên công tác:

Đối với nam: Có 20 năm công tác liên tục trong ngành Xây dựng hoặc tổng thời gian công tác là 25 năm, trong đó có 15 năm công tác liên tục trong ngành Xây dựng. Đối với nữ: Có 15 năm công tác liên tục trong ngành Xây dựng hoặc tổng thời gian công tác là 20 năm, trong đó có 10 năm công tác liên tục trong ngành Xây dựng.

“Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng” để tặng một lần cho cá nhân ngoài ngành Xây dựng, đạt một trong các tiêu chuẩn sau: Cán bộ lãnh đạo các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, địa phương có công lao, đóng góp cho sự nghiệp phát triển của ngành Xây dựng; Cá nhân có sáng chế, phát minh, công trình khoa học cấp Nhà nước có giá trị, được ứng dụng trong ngành Xây dựng, được cấp có thẩm quyền công nhận; Cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có thành tích, công lao đóng góp trong việc xây dựng và củng cố mối quan hệ hợp tác giữa các nước, các tổ chức quốc tế với ngành Xây dựng Việt Nam, đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển của ngành Xây dựng; Cá nhân có thành tích, công lao đóng góp, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho sự nghiệp phát triển của ngành Xây dựng.

Việc xét tặng “Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng” được thực hiện hằng năm vào dịp kỷ niệm Ngày truyền thống ngành Xây dựng (29/4) và dịp Quốc khánh (2/9) hoặc xét tặng đột xuất theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

*** Ngày 26/4/2024, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký ban hành Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.**

Theo Thông tư, mẫu báo cáo đánh giá gồm:

Mẫu số 2A sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

Mẫu số 2B sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

Mẫu số 2C sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng.

Việc lập báo cáo đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyên, hồ sơ dự thầu của gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn không qua mạng, hồ sơ đề xuất được vận dụng các mẫu quy định này trên cơ sở bảo đảm không trái quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Mẫu báo cáo thẩm định được sử dụng cho đấu thầu qua mạng và đấu thầu không qua mạng, bao gồm: Mẫu số 3A sử dụng để lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu; Mẫu số 3B sử dụng để lập báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật cho gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, gói thầu áp dụng hình thức chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường; Mẫu số 3C sử dụng để lập báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Định kỳ hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trên cả nước.

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức khác thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2 của Luật Đấu thầu báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc báo cáo bằng văn bản gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong trường hợp có yêu cầu về bảo mật.

Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu giúp Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức khác đơn đốc, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm của chủ đầu tư, bên mời thầu thuộc địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15 tháng 4 năm tiếp theo của kỳ báo cáo. Trường hợp thời điểm báo cáo nêu trên trùng với ngày nghỉ hằng tuần hoặc nghỉ lễ theo quy định của pháp luật về lao động thì thời điểm báo cáo là ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ hoặc thời điểm nghỉ lễ.

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước gửi báo cáo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày 01 tháng 02 năm tiếp theo của kỳ báo cáo. Trường hợp thời điểm báo cáo nêu trên trùng với ngày nghỉ hằng tuần hoặc nghỉ lễ theo quy định của pháp luật về lao động thì thời điểm báo cáo là ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ hoặc thời điểm nghỉ lễ.

Chủ đầu tư, bên mời thầu gửi báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm theo yêu cầu về thời hạn báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2024.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Bộ Chính trị:

Bộ Chính trị báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc Bộ Chính trị đã quyết định phân công đồng chí Lê Minh Hưng, Bí thư Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng giữ chức vụ Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

Bộ Chính trị báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc Bộ Chính trị đã quyết định phân công Đại tướng Lương Cường, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia Ban Bí thư và giữ chức vụ Thường trực Ban Bí thư.

* Ban Chấp hành Trung ương Đảng:

Đồng ý để đồng chí Trương Thị Mai thôi giữ chức Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu bổ sung 4 Ủy viên Bộ Chính trị khoá XIII, gồm các đồng chí:

Đồng chí Lê Minh Hưng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Ban Tổ chức Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

Đồng chí Nguyễn Trọng Nghĩa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương.

Đồng chí Bùi Thị Minh Hoài, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Ban Dân vận Trung ương.

Đồng chí Đỗ Văn Chiến, Bí thư Trung ương Đảng, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

* Thủ tướng Chính phủ:

Kiện toàn nhân sự Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia:

Ngày 16/5/2024, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 417/QĐ-TTg kiện toàn nhân sự Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia.

Theo đó, ông Nguyễn Duy Lâm, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, kiêm Ủy viên thường trực Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia thay ông Lê Đình Thọ.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, kiêm Ủy viên Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia thay bà Ngô Thị Minh.

Lập Hội đồng thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án cảng hàng không Sa Pa:

Ngày 10/5/2024, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 400/QĐ-TTg thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đầu tư xây dựng cảng hàng không Sa Pa, tỉnh Lào Cai theo phương thức đối tác công tư (PPP).

Theo Quyết định, Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Phó Chủ tịch Hội đồng là Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Các thành viên Hội đồng gồm lãnh đạo các Bộ: Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp, Quốc phòng, Công an và lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định liên ngành.

*** Bộ Công an:**

Đại tá Vũ Như Hà, Phó Cục trưởng, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (C03) được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Lạng Sơn.

*** Bộ Xây dựng:**

Ông Nguyễn Thành Công, Giám đốc Trung tâm Kiến trúc - Quy hoạch nông thôn thuộc Viện Kiến trúc Quốc gia được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Viện trưởng Viện Kiến trúc Quốc gia, kể từ ngày 06/5/2024.

Ông Nguyễn Thanh Tùng, Trưởng phòng Phòng Tổ chức Hành chính thuộc Viện Kiến trúc Quốc gia được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Viện trưởng Viện Kiến trúc Quốc gia, kể từ ngày 06/5/2024.

*** Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ:**

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Trần Văn Sơn - Chủ tịch Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 64/QĐ-HĐTV về việc thay đổi đại diện Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam tham gia Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ.

Theo Quyết định, ông Yoshida Susumu, Tổng thư ký Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam là thành viên Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ thay Ông Kinoshita Tadahiro, Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam.

*** TP. Hồ Chí Minh:**

Ông Ngô Minh Hải, Phó Bí thư thường trực được phân công phụ trách Thành đoàn thành phố được bầu làm Bí thư Thành đoàn thành phố, nhiệm kỳ 2022 - 2025.

*** Tỉnh Hưng Yên:**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên quyết định đồng ý đề ông Doãn Anh Quân, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Tiên Lữ được nghỉ công tác trước tuổi hưu (thôi việc) theo nguyện vọng cá nhân, kể từ ngày 15/5/2024.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phân công, điều động, chỉ động ông Nguyễn Văn Thơ, Giám đốc Sở Công Thương tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Tiên Lữ, nhiệm kỳ 2020 - 2025, kể từ ngày 15/5/2024.

*** Tỉnh Lạng Sơn:**

Ông Hà Minh Anh, Phó Giám đốc Sở Xây dựng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, kể từ ngày 10/5/2024.

Bà Nguyễn Thị Hương, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân TP. Lạng Sơn thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy, nhiệm kỳ 2021 -

2025 và thôi giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, nhiệm kỳ 2021 - 2026; được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, kể từ ngày 10/5/2024.

*** Tỉnh Quảng Bình:**

Ông Trần Quang Minh, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy và giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Quảng Ninh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Tỉnh Đồng Tháp:**

Ông Nguyễn Thế Hồng Trung, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.

*** Tỉnh Vĩnh Long:**

Ông Đào Anh Xuân Nhựt, Phó Giám đốc phụ trách Sở Tài nguyên và Môi trường được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ông Lê Minh Chí, Trưởng phòng Phòng Kinh tế - Ngoại vụ (thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nguồn: baohinhphu.vn